

## M C L C

<b>M C L C</b> .....	<b>1</b>
<b>PH N M U</b> .....	<b>5</b>
<b>CH NG I NH NG QUY NH CHUNG</b> .....	<b>6</b>
<b>M c 1 GI I THÍCH THU T NG</b> .....	<b>6</b>
i u 1. nh ngh a .....	6
<b>M c 2 TÊN G I, TR S , M C TIÊU VÀ PH M VI HO T NG</b> .....	<b>8</b>
i u 2. Tên, hình th c, tr s chính, i đi n theo pháp lu t, m ngl i ho t ng và th i h n ho t ng c a Ngân hàng .....	8
i u 3. Tôn ch , l nh v c kinh doanh và m c tiêu ho t ng c a Ngân hàng .....	9
i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng .....	9
<b>M c 3 CÁC HO T NG CHÍNH</b> .....	<b>9</b>
i u 5. Ho t ng ngân hàng th ng m i .....	9
i u 6. Ho t ng góp v n, mua c ph n .....	10
i u 7. Tham gia th tr ng t i n t ; kinh doanh, cung ng các d ch v ngo i h i v à s n ph m phái sinh; nghi p v y thác và i lý .....	11
i u 8. Các ho t ng kinh doanh khác .....	12
i u 9. Các h n ch m b o an toàn trong ho t ng .....	12
i u 10. Áp d ng i u c qu ct và t p quán qu ct trong ho t ng ngân hàng .....	12
i u 11. T ch c chính tr - xã h i trong Ngân hàng .....	12
<b>CH NG II V N I UL , C PH N, C PHI U, TRÁI PHI U</b> .....	<b>12</b>
<b>M c 1 V N I UL</b> .....	<b>12</b>
i u 12. V n i ul .....	12
i u 13. Thay i v n i ul .....	13
<b>M c 2 C PH N, C PHI U, TRÁI PHI U</b> .....	<b>14</b>
i u 14. C ph n .....	14
i u 15. Chào bán c ph n .....	14
i u 16. Mua l i c ph n .....	15
i u 17. Thu h i c ph n .....	17
i u 18. Chuy n nh ng c ph n .....	17
i u 19. Th a k c ph n .....	18
i u 20. Gi i h n s h u c ph n .....	18
i u 21. S ng ký c ông .....	19
i u 22. C phi u .....	19
i u 23. Phát hành trái phi u .....	20
<b>CH NG III C C UT CH C, QU N LÝ VÀ KI M SOÁT NGÂN HÀNG</b> .....	<b>20</b>
<b>M c 1 C C UT CH C QU N LÝ</b> .....	<b>20</b>

i u 24. C c u t c h c q u n l ý .....	20
<b>M c 2 C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG .....</b>	<b>21</b>
i u 25. C ông .....	21
i u 26. Quy n c a c ông .....	21
i u 27. Ngh a v c a c ông .....	21
i u 28. i h i ng c ông .....	22
i u 29. Quy n h n và nhi m v c a i h i ng c ông .....	22
i u 30. Th m quy n t r i u t p h p i h i ng c ông .....	24
i u 31. Thông báo m i h p, ch ñng trình và n i dung h p i h i ng c ông .....	25
i u 32. Quy n d h p i h i ng c ông .....	26
i u 33. Các i u k i n t i n hành h p i h i ng c ông .....	26
i u 34. Th t h c t i n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông .....	27
i u 35. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông .....	29
i u 36. Th m quy n và th t h c l y ý k i n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông .....	30
i u 37. Các i d i n c y quy n .....	31
i u 38. Thay i các quy n .....	32
i u 39. Biên b n h p i h i ng c ông .....	33
i u 40. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông .....	33
<b>M c 3 H I NG QU N TR .....</b>	<b>33</b>
i u 41. Thành p h n và nhi m k c a H i ng qu n tr .....	33
i u 42. Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr .....	34
i u 43. Ch t ch H i ng qu n tr .....	36
i u 44. Quy n h n và nhi m v c a thành viên H i ng qu n tr .....	37
i u 45. Thù lao và l i ích c a thành viên H i ng qu n tr .....	38
i u 46. Tiêu chu n và i u k i n làm thành viên H i ng qu n tr .....	38
i u 47. ñng nhiên m t t cách, b i n h i m, m i n nhi m thành viên H i ng qu n tr .....	39
i u 48. Các c u c h p c a H i ng qu n tr .....	40
i u 49. S d ñg d ch v t v n chuyên nghi p .....	42
<b>M c 4 T NG GIÁM C .....</b>	<b>42</b>
i u 50. T ng giám c .....	42
i u 51. Giúp vi c cho T ng giám c .....	43
i u 52. Tiêu chu n và i u k i n làm T ng giám c, Phó T ng giám c, K toán tr ñng, Giám c S giao d ch, Chi nhánh, Giám c các công ty con v à ch c danh t ñng ñng ....	44
i u 53. ñng nhiên m t t cách, m i n nhi m, b i n h i m T ng giám c .....	45
<b>M c 5 BAN KI M SOÁT .....</b>	<b>46</b>
i u 54. Ban ki m soát và c c u Ban ki m soát .....	46
i u 55. Quy n h n và nhi m v c a Ban ki m soát .....	46
i u 56. Quy n h n và nhi m v c a Tr ñng Ban ki m soát .....	47
i u 57. Quy n h n và nhi m v c a thành viên Ban ki m soát .....	48
i u 58. Quy n c cung c p thông tin c a Ban ki m soát .....	49
i u 59. Thù lao và các chi phí khác c a thành viên Ban ki m soát .....	49
i u 60. Tiêu chu n và i u k i n làm thành viên Ban ki m soát .....	49
i u 61. ñng nhiên m t t cách, m i n nhi m, b i n h i m thành viên Ban ki m soát .....	50
i u 62. C u c h p c a Ban ki m soát .....	51

<b>M c 6 NH NG TR NG H P KHÔNG C M NHI M CH C V VÀ NH NG TR NG H P KHÔNG CÙNG M NHI M CH C V .....</b>	<b>52</b>
i u 63. Nh ng tr ng h p không c m nhi m ch c v .....	52
i u 64. Nh ng tr ng h p không cùng m nhi m ch c v .....	53
<b>M c 7 NGH A V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM C VÀ NG I I U HÀNH KHÁC.....</b>	<b>54</b>
i u 65. Công khai các l í ích liên quan .....	54
i u 66. Ngh a v c a thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c và ng i i u hành khác .....	55
i u 67. Trách nhi m v thi th i và b i th ng.....	55
i u 68. H p ng, giao d ch ph i c i h i ng c ông, H i ng qu n tr ch p thu n .....	56
<b>M c 8 CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN .....</b>	<b>57</b>
i u 69. Công nhân viên và công oàn .....	57
<b>CH NG IV M I QUAN H GI A NGÂN HÀNG VÀ CÁC NV THÀNH VIÊN ..</b>	<b>57</b>
<b>M c 1 CÁC NV TR C THU C, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN K T C A NGÂN HÀNG .....</b>	<b>57</b>
i u 70. Các n v tr c thu c, Công ty con, Công ty liên k t c a Ngân hàng .....	57
<b>M c 2 QUAN H GI A NGÂN HÀNG V I CÁC NV TR C THU C .....</b>	<b>57</b>
i u 71. Quan h gi a Ngân hàng và các n v tr c thu c.....	57
<b>M c 3 QUAN H GI A NGÂN HÀNG VÀ CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN.....</b>	<b>57</b>
i u 72. Qu n lý ph n v n góp c a Ngân hàng trong các Công ty có liên quan .....	57
i u 73. Chi ph i, liên k t, h tr các Công ty có liên quan .....	58
i u 74. Quy n và ngh a v c a Ngân hàng i v i Công ty con là Công ty trách nhi m h u h n m t thành viên .....	58
i u 75. Quy n và ngh a v c a Ngân hàng i v i Công ty con là Công ty trách nhi m t hai thành viên tr lên, Công ty c ph n .....	59
i u 76. Quan h gi a Ngân hàng v i các Công ty liên k t.....	59
<b>CH NG V C CH TÀI CHÍNH.....</b>	<b>60</b>
<b>M c 1 H TH NG K TOÁN VÀ N M TÀI CHÍNH .....</b>	<b>60</b>
i u 77. H th ng k toán .....	60
i u 78. N m tài chính .....	60
<b>M c 2 KI M TOÁN VÀ CON D U .....</b>	<b>60</b>
i u 79. Ki m toán .....	60
i u 80. Con d u.....	61
<b>M c 3 PHÂN CHIA L I NHU N.....</b>	<b>61</b>
i u 81. Phân chia l i nhu n sau thu .....	61
i u 82. Trích l p qu .....	61
i u 83. Tr c t c.....	61

<b>CH NG VI S SÁCH VÀ H S NGÂN HÀNG.....</b>	<b>63</b>
i u 84. Báo cáo tài chính hàng n m, sáu tháng và hàng quý.....	63
i u 85. Quy n ti p c n, ki m tra s sách và h s Ngân hàng .....	63
i u 86. Ch l u gi tài li u c a Ngân hàng .....	64
i u 87. Công b thông tin và thông báo ra công chúng .....	64
<b>CH NG VII T CH CL I, GI I TH , PHÁ S N, THANH LÝ TÀI S N.....</b>	<b>65</b>
i u 88. T ch cli .....	65
i u 89. Gi i th Ngân hàng.....	65
i u 90. Phá s n Ngân hàng .....	66
<b>CH NG VIII GI I QUY T TRANH CH P, S A I VÀ B SUNG I UL NGÂN HÀNG .....</b>	<b>66</b>
i u 91. Gi i quy t tranh ch p n i b .....	66
i u 92. B sung và s a i i ul .....	66
<b>CH NG IX I U KHO N THI HÀNH .....</b>	<b>67</b>
i u 93. i u kho n chung.....	67

-----

## PH N M U

### C n c :

Lu t Doanh nghi p s 60/2005/QH11 c Qu c h i n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005;

Lu t Các t ch c tín d ng s 47/2010/QH12 c Qu c h i n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 16 tháng 6 n m 2010;

Lu t Ch ng khoán s 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 n m 2006;

Ngh nh s 59/2009/N -CP ngày 16 tháng 7 n m 2009 c a Chính ph v t ch c và ho t ng c a ngân hàng th ng m i;

Ngh nh s 102/2010/N -CP ngày 01 tháng 10 n m 2010 c a Chính ph h ng đ n chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Doanh nghi p;

Thông t s 06/2010/TT-NHNN ngày 26 tháng 02 n m 2010 c a Ngân hàng Nhà n c h ng đ n v t ch c, qu n tr , i u hành, v n i u l , chuy n nh ng c ph n, b sung, s a i Gi y phép, i u l c a ngân hàng th ng m i;

i u l m u áp d ng cho các công ty niêm y t trên S Giao d ch Ch ng khoán, Trung tâm Giao d ch Ch ng khoán ban hành kèm theo Quy t nh s 15/2007/Q -BTC ngày 19 tháng 3 n m 2007c a B tr ng B Tài chính,

Ngân hàng th ng m i c ph n Xu t Nh p kh u Vi t Nam (đ i ây g i t t là “Ngân hàng”) là ngân hàng th ng m i c ph n, ho t ng theo Gi y phép s 0011/NH -GP ngày 06 tháng 4 n m 1992 c a Ngân hàng Nhà n c. T ch c và ho t ng c a Ngân hàng c th c hi n theo i u l này và quy nh pháp lu t hi n hành có liên quan.

i u l này c thông qua h p l t i c u c h p i h i ng c ông Ngân hàng vào ngày 23 tháng 4 n m 2011 và c s a i theo Ngh quy t i h i ng c ông Ngân hàng ngày 12 tháng 5 n m 2012.

**Chương I**  
**NH NG QUY NH CHUNG**

**Mục 1**  
**GIỚI THÍCH THUẬT NGỮ**

**Điều 1. Định nghĩa**

1. Trong điều này, thuật ngữ dưới đây có nghĩa sau:

a) “*Luật Doanh nghiệp*” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của Quốc hội của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.

b) “*Luật Các tổ chức tín dụng*” có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 của Quốc hội của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/6/2010.

c) “*Pháp luật*” có nghĩa là tất cả luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác của các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo thẩm quyền liên quan đến các hoạt động của Ngân hàng bao gồm các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế các quy định này.

d) “*đạo đức kinh doanh*” là phạm vi áp dụng ghi trong quy định do Ngân hàng Nhà nước cấp cho Ngân hàng mà tiêu chí Ngân hàng chấp hành các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

e) “*Vốn đầu tư*” là số vốn do tất cả các công đồng góp và chi trả đầu tư này.

f) “*Ngày thành lập*” là ngày Ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động.

g) “*Vốn pháp định*” là vốn tối thiểu theo yêu cầu của pháp luật thành lập Ngân hàng.

h) “*Ngân sĩ đầu hành của Ngân hàng*” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc S giao dịch, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương.

i) “*Ngân sĩ quản lý của Ngân hàng*” là Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác (nếu có).

k) “*Ngân sĩ có liên quan của Ngân hàng*” là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Ngân hàng nhận thu nhập trong các trường hợp sau:

(i) Ngân hàng và công ty con của Ngân hàng và ngược lại; các công ty con của Ngân hàng và nhau; ngân sĩ quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm nhân sự này và công ty con của Ngân hàng và ngược lại;

(ii) Ngân hàng và ngân sĩ quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc vợ, chồng, người thân có thẩm quyền bổ nhiệm nhân sự này và ngược lại;

(iii) Ngân hàng v i t ch c, cá nhân s h u t 5% (n m ph n tr m) v n i u l tr lên t i Ngân hàng và ng c l i;

(iv) Ngân hàng v i v , ch ng, cha, m , con, anh, ch , em c a ng i qu n lý, thành viên Ban ki m soát, c ông s h u t 5% (n m ph n tr m) v n i u l tr lên c a Ngân hàng và ng c l i;

(v) Ngân hàng v i các cá nhân, t ch c i di n theo y quy n c a Ngân hàng và ng c l i. Ngân hàng v i t ch c, cá nhân y quy n cho Ngân hàng i di n và ng c l i.

l) “*Th i h n ho t ng*” là th i h n ho t ng c a Ngân hàng c quy nh t i kho n 6, i u 2 c a i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Ngân hàng thông qua b ng ngh quy t và c c quan nhà n c có th m quy n ch p thu n n u pháp lu t có yêu c u.

m) “*C ph n*” là v n i u l c chia thành các ph n b ng nhau.

n) “*C ông*” là t ch c ho c cá nhân s h u m t ho c m t s c ph n c a Ngân hàng và ng ký tên trong S ng ký c ông c a Ngân hàng v i t cách là m t ng i n m gi (các) c ph n.

o) “*C ông l n*” c a Ngân hàng là c ông s h u tr c ti p ho c gián ti p t 5% (n m ph n tr m) v n c ph n có quy n bi u quy t tr lên c a Ngân hàng.

p) “*C phi u*” là ch ng ch ho c bút toán ghi s c a Ngân hàng phát hành, xác nh n quy n s h u m t ho c m t s c ph n c a Ngân hàng. *C phi u* c a Ngân hàng có th là c phi u ghi tên ho c c phi u vô danh theo quy nh c a i u l này.

q) “*C phi u qu*” là c phi u c a chính Ngân hàng ã phát hành và c Ngân hàng mua l i b ng ngu n v n h p pháp theo quy nh t i i u l này và pháp lu t.

r) “*S ng ký c ông*” là s ng ký c ông quy nh t i i u 21 c a i u l này.

s) “*i h i ng c ông*” ho c “*i h i*” là i h i ng c ông c a Ngân hàng.

t) “*C t c*” là kho n c tr cho m i c ph n b ng t i n m t ho c b ng tài s n khác t ngu n l i nhu n còn l i c a Ngân hàng sau khi ã th c hi n (các) ngh a v v tài chính.

u) “*Công ty con c a Ngân hàng*” là công ty thu c m t trong các tr ng h p sau:

(i) Ngân hàng ho c Ngân hàng và ng i có liên quan c a Ngân hàng s h u trên 50% v n i u l ho c trên 50% v n c ph n có quy n bi u quy t;

(ii) Ngân hàng có quy n tr c ti p ho c gián ti p b nhi m a s ho c t t c thành viên H i ng qu n tr , H i ng thành viên ho c T ng giám c (Giám c) c a công ty con;

(iii) Ngân hàng có quy n s a i, b sung i u l c a công ty con;

(iv) Ngân hàng và ng i có liên quan c a Ngân hàng tr c ti p ho c gián ti p ki m soát v i c thông qua ngh quy t, quy t nh c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr , H i ng thành viên c a công ty con.

v) “*Công ty liên kết của Ngân hàng*” là công ty trong đó Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 11% vốn ưu đãi hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải công ty con của Ngân hàng.

x) “*Nhân viên trực thu*” là các nhân viên hạch toán phụ thu của Ngân hàng, bao gồm các giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, nhân viên sắp xếp.

y) “*Nhân viên thành viên*” là các nhân viên trực thu và Công ty con của Ngân hàng.

aa) “*Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng*” là người của Ngân hàng ủy quyền bằng văn bản thành viên các quy định của mình tới các công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật.

bb) “*Lợi nhuận*” là tổng lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác. Trong đó, lợi nhuận hoạt động kinh doanh bao gồm: chênh lệch giá tài sản doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ và chi phí dự định trong kỳ và chênh lệch giá tài sản doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính và chi phí hoạt động đầu tư tài chính phát sinh trong kỳ. Lợi nhuận khác là chênh lệch giá trị nhập khẩu từ hoạt động khác và chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

cc) “*Ngân hàng Nhà nước*” là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Trong ưu đãi này, các tham chiếu từ thẩm định thẩm quyền hoặc văn bản khác sẽ bao gồm các nhà soạn thảo hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu chí (mục, điều khoản của ưu đãi này) sẽ được nêu rõ trong tài liệu hướng dẫn và không nên hiểu sai nội dung của ưu đãi này.

4. Các điều khoản thu thuế sẽ được nêu rõ trong Luật Doanh nghiệp và Luật Các tổ chức tín dụng (nếu không mâu thuẫn với các quy định khác) sẽ có hiệu lực trong ưu đãi này.

## Mục 2

### TÊN GỌI, TRƯỜNG, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, đại diện theo pháp luật, mạng lưới hoạt động và thành viên hoạt động của Ngân hàng**

1. Tên Ngân hàng

- Tên tiếng Việt : Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam

- Tên tiếng Anh : Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank

- Tên viết tắt : Eximbank hoặc EIB

- Tên giao dịch : Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam

2. Ngân hàng là ngân hàng thương mại cổ phần có tổ chức pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.



3. Tr s ng ký c a Ngân hàng là:

- a ch : T ng 8, V n phòng s L8-01-11+16, Tòa nhà Vincom Center, s 72 Lê Thánh Tôn và 47 Lý T Tr ng, ph ng B n Nghệ, Qu n 1, thành ph H Chí Minh
- i n tho i : (08) 38210056
- Fax : (08) 38216913
- Website : [www.eximbank.com.vn](http://www.eximbank.com.vn)

4. T ng giám c là i di n theo pháp lu t c a Ngân hàng.

5. Ngân hàng c m s giao d ch, chi nhánh, v n phòng i di n, c thành l p n v s nghi p, công ty con, công ty liên k t theo quy nh c a Ngân hàng Nhà n c và các quy nh c a pháp lu t hi n hành có liên quan.

6. Tr khi ch m d t ho t ng tr c th i h n theo i u 89 và i u 90 ho c chuy n i ho t ng theo i u 88 i u l này, th i h n ho t ng c a Ngân hàng là 50 (n m m i) n m k t ngày thành l p.

### **i u 3. Tôn ch , l nh v c kinh doanh và m c tiêu ho t ng c a Ngân hàng**

1. Tôn ch c a Ngân hàng là tr thành m t t p oàn Tài chính – Ngân hàng cung c p d ch v a d ng v i ch t l ng và hi u qu .

2. L nh v c kinh doanh c a Ngân hàng bao g m ho t ng kinh doanh quy nh t i i u l này.

3. M c tiêu ho t ng c a Ngân hàng là t i a hóa l i nhu n, tích l y u t cho phát tri n, góp ph n th c hi n các m c tiêu phát tri n kinh t , xã h i c a t n c.

### **i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng**

1. Ngân hàng c phép l p k ho ch và ti n hành t t c các ho t ng kinh doanh theo Gi y phép thành l p và ho t ng do Ngân hàng Nhà n c c p, Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và i u l này phù h p v i quy nh hi n hành c a pháp lu t và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Ngân hàng.

2. Ngân hàng có th ti n hành ho t ng kinh doanh trong các l nh v c khác c pháp lu t cho phép và c i h i ng c ông ho c H i ng qu n tr ph ê chu n theo quy nh t i i u l này.

3. Ngân hàng có ph m vi kinh doanh và ho t ng c trong n c và ngoài n c.

## **M c 3 CÁC HO T NG CHÍNH**

Ngân hàng th c hi n các ho t ng chính sau ây theo quy nh pháp lu t:

### **i u 5. Ho t ng ngân hàng th ng m i**

1. Nh n ti n g i không k h n, ti n g i có k h n, ti n g i ti t ki m v à các lo i ti n g i khác.

2. Phát hành chứng chỉ tín dụng, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu huy động vốn trong nước và nước ngoài.

3. Các nghiệp vụ sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành tín dụng;

    ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế;

e) Các nghiệp vụ khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung cấp các phương tiện thanh toán.

6. Cung cấp các dịch vụ thanh toán sau đây:

a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhận thu, ủy nhiệm thu, thanh toán tín dụng, thanh toán ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

7. Mở tài khoản tín dụng thanh toán tất cả các nghiệp vụ khác; mở tài khoản tín dụng, tài khoản thanh toán nước ngoài theo quy định của pháp luật ngoại hối.

8. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

9. Vay vốn của tất cả các nghiệp vụ, tất cả tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia. Tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

## **Điều 6. Hoạt động góp vốn, mua cổ phần**

1. Ngân hàng chỉ được dùng vốn nội bộ và quỹ dự trữ góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này.

2. Ngân hàng phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:

a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán chứng khoán;

b) Cho thuê tài chính;

c) Bảo hiểm.

3. Ngân hàng có thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoặc trong lĩnh vực quản lý tài sản bảo đảm, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.

4. Ngân hàng có góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoặc trong các lĩnh vực sau đây:

a) Bảo hiểm, chứng khoán, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;

b) Lĩnh vực khác không quy định tại khoản này.

5. Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 của Điều này và việc góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng theo quy định tại Điều 4 của Điều này có thể hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước.

Việc thành lập công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng thực hiện theo các điều kiện, thủ tục và trình tự theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Ngân hàng, công ty con của Ngân hàng có mua, nắm giữ cổ phiếu của các công ty khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước.

### **Điều 7. Tham gia thị trường tài chính; kinh doanh, cung ứng các dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh; nghiệp vụ ủy thác và tư lý**

1. Tham gia thị trường tài chính:

Ngân hàng có tham gia thu tiền phí Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tài chính.

2. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và các sản phẩm phái sinh:

a) Sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng có kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây:

(i) Ngoại hối;

(ii) Phái sinh vật giá, lãi suất, ngoại hối, tài chính và tài chính khác.

b) Việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

3. Nghiệp vụ ủy thác và tư lý:

Ngân hàng có quy định ủy thác, nhận ủy thác, tư lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

## **Điểm 8. Các hoạt động kinh doanh khác**

1. Dịch vụ quản lý tài sản, tài sản ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tài sản, kết an toàn.
2. Tài sản tài chính doanh nghiệp, tài sản mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tài sản khác.
3. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
4. Dịch vụ môi giới tài sản.
5. Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
6. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

## **Điểm 9. Các hình thức bảo an toàn trong hoạt động**

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng tuân thủ các quy định về các hình thức bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và theo quy định của pháp luật có liên quan.

## **Điểm 10. Áp dụng quy định và tập quán quốc tế trong hoạt động ngân hàng**

1. Ngân hàng áp dụng quy định quốc tế liên quan đến hoạt động ngân hàng mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.
2. Ngân hàng có thể thỏa thuận với khách hàng áp dụng tập quán quốc tế có liên quan đến hoạt động ngân hàng, nhưng tập quán đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

## **Điểm 11. Tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng**

1. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và Điều lệ này.
2. Ngân hàng tôn trọng và tạo điều kiện cho người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức nêu trên Điều lệ này.

## **Chương II**

### **VĂN I UL, C PH N, C PHI U, TRÁI PHI U**

#### **Mục 1**

### **VĂN I UL**

## **Điểm 12. Văn i ul**

1. Văn i ul của Ngân hàng là 12.355.229.040.000 đồng (Một hai ngàn ba trăm năm mươi lăm triệu hai trăm hai mươi chín triệu không trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

2. Việc ủy thác Ngân hàng là việc ghi ủy thác Ngân hàng và các xác nhận tín dụng ngân hàng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

### **Điều 13. Thay đổi vốn ủy thác**

Việc thay đổi vốn ủy thác Ngân hàng (tổng hoặc giảm) phải thực hiện trên cơ sở quy định của Điều lệ ngân hàng và phải có Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn ủy thác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

1. Các hình thức tăng vốn ủy thác Ngân hàng:

a) Phát hành thêm chứng khoán huy động thêm vốn, kể cả chứng khoán có lãi theo hình thức chuyển nhượng thành vốn góp chứng khoán theo thỏa thuận của Ngân hàng với các chủ nợ;

b) Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành chứng khoán;

c) Thực hiện trích bổ sung phiếm lượng Ngân hàng;

d) Kết chuyển nguồn thanh toán bổ sung tăng vốn ủy thác;

e) Các hình thức khác do Điều lệ ngân hàng quy định, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

2. Các hình thức giảm vốn ủy thác Ngân hàng:

a) Ngân hàng mua lại và hủy bỏ chứng khoán phiếm lượng có mệnh giá tăng nguồn vốn dự kiến chi trả chứng khoán;

b) Ngân hàng thu hồi và hủy bỏ chứng khoán phiếm lượng có mệnh giá tăng nguồn vốn dự kiến chi trả chứng khoán;

c) Các hình thức khác do Điều lệ ngân hàng quy định, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

3. Việc giảm vốn ủy thác Ngân hàng phải đảm bảo không thực hiện việc pháp định bắt buộc tín dụng theo quy định của pháp luật.

4. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn ủy thác thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

5. Sau khi đã thay đổi vốn ủy thác theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng phải ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc ủy thác mới và gửi văn bản các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận số vốn ủy thác đã ký (bản sao có xác nhận của Công chứng Nhà nước) cho Ngân hàng Nhà nước, đồng thời phải báo trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật về số vốn ủy thác mới.

6. Hội đồng quản trị Ngân hàng phải chịu trách nhiệm trình pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện chấp thuận cho công góp vốn theo các yêu cầu quy định của Ngân hàng Nhà nước và điều kiện này.

**Mục 2**  
**C PH N, C PHI U, TRÁI PHI U**

**Điều 14. C ph n**

1. M i c ph n c a Ngân hàng có m nh giá là 10.000 (b ng ch : M i nghìn ng). S l ng c ph n c a Ngân hàng b ng v n i u l chia cho m nh giá m t c ph n.
2. Toàn b c ph n c a Ngân hàng vào ngày thông qua i u l này là c ph n ph thông.
3. Ngân hàng có th phát hành các lo i c ph n u ãi, ng i s h u c ph n u ãi g i là c ông u ãi. C ph n u ãi g m các lo i sau:
  - a) C ph n u ãi bi u quy t;
  - b) C ph n u ãi c t c;
  - c) C ph n u ãi khác do i h i ng c ông quy t nh phù h p v i quy nh c a pháp lu t liên quan.
4. M i c ph n c a cùng m t lo i u t o cho ng i s h u nó các quy n, ngh a v và l i ích ngang nhau.

**Điều 15. Chào bán c ph n**

1. H i ng qu n tr quy t nh th i i m, ph ng th c và giá chào bán c ph n trong s c ph n c quy n chào bán. Giá chào bán c ph n không c th p h n giá th tr ng t i th i i m chào bán ho c giá tr c ghi trong s sách c a c ph n t i th i i m g n nh t, tr nh ng tr ng h p sau ây:
  - a) C ph n chào bán cho t t c c ông theo t l c ph n hi n có c a h t i Ngân hàng;
  - b) C ph n chào bán cho ng i lao ng, qu n lý, i u hành c a Ngân hàng ho c i t ng khác theo ngh quy t c a i h i ng c ông;
  - c) C ph n chào bán cho ng i môi gi i ho c ng i b o lãnh. Trong tr ng h p này, s chi t kh u ho c t l chi t kh u c th ph i c s ch p thu n c a s c ông i đi n trên 51% (n m m i m t ph n tr m) t ng s c ph n có quy n bi u quy t.
2. Tr ng h p Ngân hàng phát hành thêm c ph n ph thông và chào bán s c ph n ó cho t t c c ông ph thông theo t l c ph n hi n có c a h t i Ngân hàng thì ph i th c hi n theo quy nh sau ây:
  - a) Ngân hàng ph i thông báo b ng v n b n n các c ông theo ph ng th c b o m n c a ch th ng trú (ho c a ch ng ký v i Ngân hàng) c a h . Thông báo ph i c ng báo trong ba s liên ti p trong th i h n 10 (m i) ngày làm vi c, k t ngày thông báo;
  - b) Thông báo ph i có h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s gi y ch ng minh nhân dân, h chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a c ông l à cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh c a c ông l à t ch c; s c ph n và t l c ph n hi n có c a c ông c quy n mua; giá

chào bán ceph n; th i h n ng ký mua; h , tên, ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t c a Ngân hàng. Th i h n xác nh trong thông báo ph i h p lý c ông ng ký mua c c ph n. Kèm theo thông báo ph i có m u phi u ng ký mua c ph n do Ngân hàng phát hành;

c) C ông có quy n chuy n quy n u tiên mua ceph n c a mình cho ng i khác;

d) N u phi u ng ký mua ceph n không c g i v Ngân hàng úng h n nh ã thông báo thì c ông có liên quan coi nh không nh n quy n u tiên mua. Tr ng h p s l ng ceph n đ nh phát hành không c c ông và ng i nh n quy n u tiên mua ng ký mua h t thì s ceph n đ ki n phát hành còn l i s do H i ng qu n tr qu n lý. H i ng qu n tr có th phân ph i s ceph n ó cho c ông c a Ngân hàng ho c ng i khác theo cách th c h p lý v i i u ki n không thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã chào bán cho các c ông, tr tr ng h p i h i ng c ông có ch p thu n khác ho c ceph n c bán qua S giao d ch ch ng khoán.

3. Ceph n c coi là ã bán khi c thanh toán và nh ng thông tin v ng i mua quy nh t i i u l này c ghi úng, ghi vào S ng ký c ông; k t th i i m ó, ng i mua ceph n tr thành c ông c a Ngân hàng.

4. Sau khi ceph n c bán, Ngân hàng ph i phát hành và trao c phi u cho ng i mua. Ngân hàng có th bán ceph n mà không trao c phi u. Trong tr ng h p này, các thông tin v c ông quy nh t i i u l này c ghi vào S ng ký c ông là ch ng minh quy n s h u ceph n c a c ông ó trong Ngân hàng.

## **i u 16. Mua l i ceph n**

1. Mua l i ceph n theo yêu c u c a Ngân hàng:

Ngân hàng có quy n mua l i không quá 30% (ba m i ph n tr m) t ng s ceph n ph thông ã bán ra, m t ph n ho c toàn b ceph n u ã c t c ã bán theo quy nh sau ây:

a) H i ng qu n tr Ngân hàng có quy n quy t nh mua l i không quá 10% (m i ph n tr m) t ng s ceph n c a t ng lo i ã c chào bán trong m i 12 (m i hai) tháng. Trong tr ng h p khác, v i c mua l i ceph n do i h i ng c ông quy t nh;

b) H i ng qu n tr quy t nh giá mua l i ceph n. i v i ceph n ph thông, giá mua l i không cao h n giá th tr ng t i th i i m mua l i, tr tr ng h p quy nh t i i m c kho n l i u này. i v i ceph n lo i khác, n u Ngân hàng và c ông có liên quan không có th a thu n nào khác thì giá mua l i không c th p h n giá th tr ng;

c) Ngân hàng có th mua l i ceph n c a t ng c ông t ng ng v i t l ceph n c a h trong Ngân hàng. Trong tr ng h p này, quy t nh mua l i ceph n c a Ngân hàng ph i c thông báo b ng ph ng th c b o m n c t t c các c ông trong th i h n 30 (ba m i) ngày, k t ngày quy t nh ó c thông qua. Thông báo ph i có tên, a ch tr s chính c a Ngân hàng, t ng s ceph n và lo i ceph n c mua l i, giá

mua l i ho c nguyên t c nh giá mua l i, th t c và th i h n thanh toán, th t c và th i h n c ông chào bán c ph n c a h cho Ngân hàng.

C ông ng ý bán l i c ph n ph i g i chào bán c ph n c a mình b ng ph ng th c b o m n c Ngân hàng trong th i h n 30 (ba m i) ngày, k t ngày thông báo. Chào bán ph i có h , tên, a ch th ng trú, s gi y ch ng minh nhân dân, h chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh c a c ông là t ch c; s c ph n s h u và s c ph n chào bán; ph ng th c thanh toán; ch ký c a c ông ho c ng i i đi n theo pháp lu t c a c ông. Ngân hàng ch mua l i c ph n c chào bán trong th i h n nói trên.

## 2. Mua l i c ph n theo yêu c u c a c ông:

a) C ông bi u quy t ph n i quy t nh v vi c t ch c l i Ngân hàng ho c thay i quy n, ngh a v c a c ông quy nh t i i u l Ngân hàng có quy n yêu c u Ngân hàng mua l i c ph n c a mình. Yêu c u ph i l p thành v n b n, trong ó nêu rõ tên, a ch c a c ông, s l ng c ph n t ng lo i, giá đ nh bán, lý do yêu c u Ngân hàng mua l i. Yêu c u ph i c g i n Ngân hàng trong th i h n 10 (m i) ngày làm vi c, k t ngày i h i ng c ông thông qua quy t nh v các v n quy nh t i kho n này;

b) Ngân hàng ph i mua l i c ph n theo yêu c u c a c ông quy nh t i i m a kho n 2 i u này v i giá th tr ng ho c giá th a thu n trong th i h n 90 (chín m i) ngày, k t ngày nh n c yêu c u. Tr ng h p không th a thu n c v giá thì c ông có th bán c ph n cho ng i khác ho c các bên có th yêu c u m t t ch c nh giá chuyên nghi p nh giá. Ngân hàng gi i thi u ít nh t 03 (ba) t ch c nh giá chuyên nghi p c ông l a ch n và l a ch n ó là quy t nh cu i cùng.

## 3. i u ki n thanh toán và x lý các c ph n c mua l i:

a) Ngân hàng ch c quy n thanh toán c ph n c mua l i cho c ông quy nh t i kho n 1 và 2 i u này n u ngay sau khi thanh toán h t s c ph n c mua l i, Ngân hàng v n b o m thanh toán các kho n n và các ngh a v tài s n khác, b o m các t l an toàn trong ho t ng ngân hàng, v n i u l không c th p h n m c v n pháp nh và các i u ki n liên quan khác do Ngân hàng Nhà n c quy nh. Vi c Ngân hàng mua l i c ph n c a chính mình ph i c Ngân hàng Nhà n c ch p thu n b ng v n b n tr c khi th c hi n n u đ n n vi c gi m v n i u l c a Ngân hàng;

b) C ph n c mua l i theo quy nh t i kho n 1 và 2 i u này c coi là c ph n thu v và thu c s c ph n c quy n chào bán;

c) C phi u xác nh n quy n s h u c ph n ã c mua l i c tiêu h y ngay sau khi c ph n t ng ng c thanh toán y . Ch t ch H i ng qu n tr v à T ng giám c ph i liên i ch u trách nhi m v thi t h i do không ti êu h y ho c ch m tiêu h y c phi u gây ra i v i Ngân hàng;

d) Sau khi thanh toán h t s c ph n mua l i, n u t ng giá tr tài s n c ghi trong s k toán c a Ngân hàng gi m h n 10% (m i ph n tr m) thì Ngân hàng ph i thông báo



cho tất cả chi nhánh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết các phần mua lãi.

### **Điều 17. Thu hồi các phần**

1. Trường hợp người mua các phần không thanh toán đầy đủ và ứng tiền số tiền phải trả mua các phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu công bố thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất có thể công bố trên khoản tiền đó và ngừng chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Ngân hàng.

2. Thông báo thanh toán nêu trên khoản lãi của điều này phải ghi rõ thời hạn thanh toán miễn ngừng không ít hơn 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo, và nếu thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán ứng yêu cầu, số phần chưa thanh toán hết số thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không thể hiện, trừ khi thanh toán đầy đủ các khoản phí nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các phần bù thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của điều này và trong các trường hợp khác quy định tại điều này.

4. Các phần bù thu hồi hoặc giao nộp sẽ trở thành tài sản của Ngân hàng. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc gifting cho người nhận số phần bù thu hồi hoặc các điều kiện khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Công nợ mà các phần bù thu hồi hoặc giao nộp phải bắt đầu cách công bố về việc ngừng phần đó, ngừng việc thanh toán cho Ngân hàng tất cả các khoản tiền có liên quan công nợ về lãi theo thỏa do Hội đồng quản trị quy định nhưng không cao hơn lãi suất Ngân hàng cùng kỳ hạn vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp cho ngày thể hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quy định mức công nợ thanh toán toàn bộ giá trị phí vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi số công nợ ngân hàng về phần bù thu hồi trực tiếp về điểm thu hồi. Việc thu hồi vốn có hiệu lực kể từ trường hợp có sai sót hoặc bất cứ trong việc gửi thông báo.

### **Điều 18. Chuyển nhượng các phần**

1. Tất cả các phần mua do chuyển nhượng từ trường hợp điều này và pháp luật có quy định khác.

2. Các phần chưa thanh toán đầy đủ không thể chuyển nhượng và ngừng tất cả.

3. Các trường hợp chuyển nhượng các phần sau đây phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:

a) Chuyển nhượng các phần của công nợ;

b) Chuyển nhượng các phần dân số công lớn trở thành công thức và ngân sách.

4. Việc chuyển nhượng các phần cá nhân, công thức có người đi dân là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trong thời gian nhiệm vụ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Trong thời gian sang lý các hộ theo quy định của Hội đồng hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không chuyển nhượng phần, trọng tâm trong các trường hợp sau đây:

a) Là người đi dân theo quy định của công là thực tế sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

b) Bị buộc chuyển nhượng phần theo quy định của Tòa án;

c) Chuyển nhượng phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất hoặc tái cấu trúc kinh doanh kiểm soát bị từ.

6. Việc chuyển nhượng phần của Ngân hàng khi Ngân hàng niêm yết thực hiện theo các quy định của pháp luật về kế toán và thủ tục kế toán.

#### **Điều 19. Thắc mắc phần**

1. Việc thắc mắc phần thực hiện theo quy định của Điều này, pháp luật và các quy định khác có liên quan.

2. Sau khi xuất trình ý kiến các giấy tờ chứng minh quy định thắc mắc hợp pháp, người thắc mắc thực hiện ký các loại phần thắc mắc và ký công và trở thành công của Ngân hàng, chứng minh quy định và nghĩa vụ của công mà thắc mắc phù hợp với quy định Điều này và pháp luật có liên quan.

3. Người thắc mắc phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người quản lý khác có sự hợp phần như không công nên thắc mắc quy định làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

#### **Điều 20. Giới hạn số phần**

1. Mỗi công nhân có sự hạn chế 5% (năm phần trăm) vốn Điều của Ngân hàng.

2. Mỗi công là thực tế có sự hạn chế 15% (mười lăm phần trăm) vốn Điều của Ngân hàng trở trọng hợp khác theo quy định của pháp luật;

3. Tổng giới hạn số phần của nhà đầu tư nước ngoài về phần của Ngân hàng xác định theo quy định của pháp luật.

4. Công và ngân hàng có liên quan của công có sự hạn chế 20% (hai mươi phần trăm) vốn Điều của Ngân hàng.

5. Tổng số quy định các khoản 1, 2, và 4 Điều này bao gồm phần vốn ý thức cho thực tế, cá nhân khác mua phần.

6. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nộp giấy trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành chứng phiếu ưu đãi tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành này.

### **Điều 21. Chứng ký cược**

1. Chứng ký cược là loại giấy do Ngân hàng chấp thuận, có giá trị ngang bằng với tiền, được lưu hành trong hai loại này tại Ngân hàng chấp thuận chứng ký kinh doanh. Chứng ký cược phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
- b) Tên số chứng khoán quy định chào bán, loại chứng khoán quy định chào bán và số chứng khoán quy định chào bán tối thiểu;
- c) Tên số chứng khoán đã bán và giá trị vốn chứng khoán đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác nếu chứng khoán là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số chứng ký kinh doanh nếu chứng khoán là tổ chức;

đ) Số lượng chứng khoán là chứng khoán, ngày chứng ký chứng khoán.

2. Chứng ký cược là loại giấy do Ngân hàng hoặc Trung tâm chứng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Chứng khoán có quy định kiểm tra, tra cứu hoặc trích lệ, sao chép nội dung số chứng ký cược trong giới hạn vì các của Ngân hàng hoặc Trung tâm chứng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

Chứng khoán suất 5% (nộp phần trăm) trở lên chứng khoán của Ngân hàng có trách nhiệm chứng ký vì quan hệ nhà nước có thể quy định trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả theo quy định của pháp luật.

### **Điều 22. Chứng phiếu**

1. Chứng phiếu là chứng do Ngân hàng phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quy định của pháp luật chứng khoán của Ngân hàng.

2. Chứng phiếu của Ngân hàng phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
- b) Số và ngày chấp thuận chứng ký kinh doanh;
- c) Số lượng chứng khoán và loại chứng khoán;
- d) Mệnh giá chứng khoán và tổng mệnh giá số chứng khoán ghi trên chứng phiếu;
- đ) Họ, tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác nếu chứng khoán là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số chứng ký kinh doanh nếu chứng khoán là tổ chức nếu chứng phiếu có ghi tên;
- e) Tóm tắt về thực chuyển nhượng chứng khoán;
- g) Chứng ký mua chứng khoán đi kèm theo pháp luật và của Ngân hàng;

- h) Sản phẩm ký quỹ và ký cược của Ngân hàng và ngày phát hành chứng phi;
  - i) Các nội dung khác theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Doanh nghiệp và về chứng phi của pháp luật.
3. Chứng phi của Ngân hàng không có sử dụng chứng từ Ngân hàng.

**Điều 23. Phát hành trái phiếu**

Ngoài việc tuân thủ theo quy định tại điều 88 của Luật Doanh nghiệp, việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác của Ngân hàng phải tuân theo các quy định sau:

- 1. Tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hàng độn tại các văn bản pháp luật có liên quan.
- 2. Việc trái phiếu chuyển đổi:
  - a) Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành chứng phi phổ thông của Ngân hàng phát hành theo các điều kiện đã xác định trong phôi án phát hành;
  - b) Việc Ngân hàng phát hành trái phiếu chuyển đổi phải công bố thông tin và được Thủ tướng Ngân hàng Nhà nước chấp thuận văn bản;
  - c) Ngân hàng quy định thời hạn phát hành, thời hạn phát hành, thời hạn chuyển đổi trái phiếu, thời hạn chuyển đổi trái phiếu, biên độ biến động giá chứng phi, mục đích sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi, các quy định và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật. Thông tin này phải công bố công khai vào thời hạn phát hành trái phiếu chuyển đổi;
  - d) Thủ tục, hồ sơ xin phát hành trái phiếu chuyển đổi thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan.

**Chương III**

**CÁC TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG**

**Mục 1**

**CÁC TỔ CHỨC QUẢN LÝ**

**Điều 24. Các tổ chức quản lý**

Các tổ chức quản lý của Ngân hàng bao gồm:

- 1. Hội đồng;
- 2. Hội đồng quản trị;
- 3. Ban kiểm soát;
- 4. Tổng giám đốc;
- 5. Và bộ máy giúp việc.

## M c 2 C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG

### **i u 25. C ông**

1. C ông là nh ng ng i ch s h u Ngân hàng, có các quy n và ngh a v t ng theo s c ph n và lo i c ph n mà h s h u.
2. C ông c công nh n chính th c khi óng ti n mua c ph n và c ghi tên vào s ng ký c ông c a Ngân hàng.
3. Vi c c ng i i di n theo y quy n c a c ông t i Ngân hàng th c hi n theo kho n 3 i u 96 Lu t Doanh nghi p và các quy nh c a pháp lu t có liên quan.

### **i u 26. Quy n c a c ông**

1. C ông ph thông có các quy n sau ây:
  - a) Các quy n theo quy nh t i các i m a, b, c, , e, g kho n 1 i u 79 Lu t Doanh nghi p;
  - b) c chuy n nh ng c ph n cho c ông khác c a Ngân hàng, cho t ch c, cá nhân khác ho c bán l i c ph n cho Ngân hàng theo quy nh c a i u l này và pháp lu t có liên quan;
  - c) c y quy n b ng v n b n cho ng i khác th c hi n các quy n và ngh a v c a mình; ng i c y quy n c y quy n l i b ng v n b n cho ng i khác n u c c ông ng ý; ng i c y quy n không c ng c v i t cách c a chính mình;
  - d) C ông ho c nhóm c ông s h u trên 10 % (m i ph n tr m) t ng s c ph n ph thông trong th i h n liên t c ít nh t 06 (sáu) tháng, có các quy n theo quy nh t i kho n 2, kho n 3 i u 79 Lu t Doanh nghi p;
  - e) Vi c ng c , c ng i vào H i ng qu n tr , Ban ki m soát c th c hi n theo quy nh t i kho n 4 i u 79 Lu t Doanh nghi p và các quy nh c a pháp lu t có liên quan. Danh sách ng c viên ph i c g i t i H i ng qu n tr theo th i h n do H i ng qu n tr quy nh.
2. C ông u ã bi u quy t có các quy n theo quy nh t i kho n 2 i u 81 Lu t Doanh nghi p.
3. C ông u ã c t c có các quy n theo quy nh t i kho n 2 i u 82 Lu t Doanh nghi p.

### **i u 27. Ngh a v c a c ông**

1. C ông c a Ngân hàng ph i th c hi n các ngh a v sau:
  - a) Thanh toán s c ph n cam k t mua trong th i h n do Ngân hàng quy nh; ch u trách nhi m v các kho n n và ngh a v tài s n khác c a Ngân hàng trong ph m vi s v n ã góp vào Ngân hàng;

b) Không rút vốn c phần ã góp ra khi Ngân hàng d i m i hình th c d n n vì c gi m v n i u l c a Ngân hàng, tr tr ng h p c Ngân hàng ho c ng i khác mua l i c phần theo quy nh t i i u l này. Tr ng h p có c ông rút m t phần ho c toàn b v n c phần ã góp trái v i quy nh t i kho n này thì thành viên H i ng qu n tr và ng i i di n theo pháp lu t c a Ngân hàng ph i cùng liên i ch u trách nhi m v các kho n n và ngh a v tài s n khác c a Ngân hàng trong ph m vi giá tr c phần ã b rút;

c) Ch u trách nhi m tr c pháp lu t v tính h p pháp c a ngu n v n mua c phần t i Ngân hàng;

d) Các ngh a v khác theo quy nh t i kho n 2, 3, 4, 5 i u 80 Lu t Doanh nghi p.

2. C ông nh n y thác u t cho t ch c, cá nhân khác ph i cung c p thông tin v ch s h u th c s c a s c phần mà mình nh n y thác u t ; n u không cung c p thông tin cho Ngân hàng, trong tr ng h p Ngân hàng phát hi n ra ch s h u th c s , Ngân hàng có quy n ình ch các quy n c ông liên quan n s c phần không công khai ch s h u th c s .

3. Các ngh a v khác theo quy nh t i i u l này và quy nh c a pháp lu t.

### **i u 28. i h i ng c ông**

1. i h i ng c ông g m t t c các c ông có quy n bi u quy t, là c quan quy t nh cao nh t c a Ngân hàng.

2. C ông là t ch c có quy n c m t ho c m t s ng i i di n theo y quy n th c hi n các quy n c ông c a mình theo quy nh c a pháp lu t; tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n theo y quy n c c thì ph i xác nh c th s c phần và s phi u b u c a m i i di n. Vì c c , ch m d t ho c thay i ng i i di n theo y quy n ph i c thông báo b ng v n b n cho Ngân hàng trong th i h n s m nh t. Thông báo ph i có các n i dung ch y u sau:

a) Tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s v và ngày quy t nh thành l p ho c ng ký kinh doanh c a c ông;

b) S l ng c phần, lo i c phần và ngày ng ký c ông t i Ngân hàng;

c) H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s gi y ch ng minh nhân dân, h chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a ng i i di n theo y quy n;

d) S c phần c y quy n i di n;

) Th i h n i di n theo y quy n;

e) H tên, ch ký c a ng i i di n theo y quy n và ng i i di n theo pháp lu t c a c ông.

### **i u 29. Quy n h n và nhi m v c a i h i ng c ông**

1. i h i ng c ông có các quy n và nhi m v sau ây:

a) Thông qua nh h ng phát tri n c a Ngân hàng;

- b) Quy t nh s a i, b sung i u l Ngân hàng;
- c) Phê chu n quy nh v t ch c và ho t ng c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát;
- d) Quy t nh s l ng thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát t ng nhi m k ; b u, mi n nhi m, b ãi nhi m, b u b sung, thay th thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát phù h p v i các i u ki n và tiêu chu n quy nh t i i u l này và các quy nh c a pháp lu t có liên quan;
- ) Quy t nh t ng m c thù lao, th ng và các l i ích khác hàng n m i v i thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát và ngân sách ho t ng c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát;
- e) Xem xét và x lý vi ph m c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát gây thi t h i cho Ngân hàng và c ông c a Ngân hàng;
- g) Quy t nh c c ut ch c, b máy qu n lý, i u hành c a Ngân hàng;
- h) Thông qua ph ng án thay i m c v n i u l ; thông qua ph ng án chào bán c ph n, bao g m lo i c ph n và t ng s c ph n c a t ng lo i c quy n chào bán;
- i) Thông qua vi c mua l i c ph n ã bán theo quy nh t i i u l này;
- k) Thông qua ph ng án phát hành trái phi u chuy n i ;
- l) Thông qua báo cáo tài chính h ng n m; ph ng án phân ph i l i nhu n sau khi Ngân hàng ã hoàn thành ngh a v thu và các ngh a v tài chính khác c a Ngân hàng;
- m) Thông qua báo cáo c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát v vi c th c hi n nhi m v , quy n h n c giao;
- n) Thông qua các h p ng, giao d ch c a Ngân hàng có giá tr l n h n 20% (hai m i ph n tr m) v n i u l c a Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t gi a Ngân hàng v i thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c, c ông l n và ng i có liên quan c a h ; công ty con, công ty liên k t c a Ngân hàng. Trong tr ng h p này, các c ông có liên quan không có quy n bi u quy t.
- o) Thông qua ph ng án góp v n, mua c ph n c a doanh nghi p, t ch c tín d ng khác có giá tr t 20% (hai m i ph n tr m) tr lên so v i v n i u l c a Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t;
- p) Quy t nh vi c ut , mua, bán tài s n c a Ngân hàng có giá tr t 20% (hai m i ph n tr m) tr lên so v i v n i u l c a Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t;
- q) Quy t nh thành l p công ty con;
- r) Quy t nh t ch c l i, gi i th ho c yêu c u phá s n Ngân hàng;
- s) Quy t nh gi i pháp kh c ph c bi n ng l n v tài chính c a Ngân hàng;
- t) Các quy n và nhi m v khác theo quy nh t i i u l này và pháp lu t có liên quan.

2. i h i ng c ông th ng niên th o lu n và thông qua t i thi u các v n quy nh t i các i m l và i m m kho n l i u này và các v n khác thu c th m quy n theo quy nh t i i u l này và pháp lu t có liên quan.

### **i u 30. Th m quy n tri u t p h p i h i ng c ông**

1. i h i ng c ông th ng niên c t ch c m i n m m t l n do H i ng qu n tr tri u t p trong th i h n 04 (b n) tháng k t ng ày k t thúc n m tài chính.

2. H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng trong các tr ng h p sau:

a) H i ng qu n tr xét th y c n thi t vì l i ích c a Ngân hàng;

b) B ng cân i k toán hàng n m, các báo cáo quý ho c 1/2 (n a) n m ho c báo cáo k i m toán c a n m tài chính ph n ánh v n i u l ã b m t m t n a;

c) Khi s thành viên c a H i ng qu n tr ít h n s thành viên mà lu t pháp quy nh ho c ít h n 2/3 (hai ph n ba) t ng s thành viên c a nhi m k ho c không s thành viên t i thi u theo quy nh t i i u l này;

d) C ông ho c nhóm c ông s h u trên 10% (m i ph n tr m) t ng s c ph n ph thông trong th i h n liên t c ít nh t 06 (sáu) tháng yêu c u tri u t p i h i ng c ông b ng m t v n b n ki n ngh . V n b n ki n ngh tri u t p ph i nêu rõ lý do và m c ích cu c h p, có ch ký c a các c ông liên quan (v n b n ki n ngh có th l p thành nhi u b n có ch ký c a t t c các c ông có liên quan);

) Theo yêu c u c a Ban k i m soát;

e) Theo yêu c u c a Ngân hàng Nhà n c;

g) Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

3. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông trong th i h n 30 (ba m i) ngày, k t ngày s thành viên H i ng qu n tr còn l i nh quy nh t i i m c kho n 2 i u này ho c nh n c yêu c u quy nh t i i m a, b, và e kho n 2 i u này.

4. Tr ng h p H i ng qu n tr không tri u t p h p i h i ng c ông nh quy nh t i các kho n 2 và 3 i u này thì trong th i h n 30 (ba m i) ngày t i p theo, Ban k i m soát ph i thay th H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh c a i u l này và quy nh c a pháp lu t.

5. Tr ng h p Ban k i m soát không tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i kho n 4 i u này thì c ông ho c nhóm c ông c c p t i i m d kho n l i u 26 i u l này ã yêu c u có quy n thay th H i ng qu n tr , Ban k i m soát tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh c a i u l này và quy nh c a pháp lu t. Trong tr ng h p này, c ông ho c nhóm c ông tri u t p h p i h i ng c ông có th ngh c quan ng ký kinh doanh giám sát vi c tri u t p và t i n hành h p n u xét th y c n thi t.

6. a i m h p i h i ng c ông là trên lãnh th Vi t Nam.



7. Tất cả chi phí c n thi t tri u t p và t i n hành h p i h i ng c ông theo quy nh t i các kho n 3, 4 và 5 i u này s do Ngân hàng hoàn l i. Chi phí này không bao g m nh ng chi phí do c ông chi ti êu khi tham d i h i ng c ông, k c chi phí n và i l i.

8. Tr ng h p H i ng qu n tr , Ban ki m soát không th c hi n c nhi m v quy nh t i các kho n 3 và 4 i u này thì Ch t ch H i ng qu n tr , Tr ng Ban ki m soát ph i ch u trách nhi m tr c pháp lu t và ph i b i th ng thi t h i phát sinh i v i Ngân hàng.

### **i u 31. Thông báo m i h p, ch ng trình và n i dung h p i h i ng c ông**

1. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông t i i u 30 i u l này ph i l p danh sách c ông có quy n d h p và bi u quy t; chu n b ch ng trình, n i dung, tài li u cu c h p và d th o quy t nh i v i t ng v n trong ch ng trình h p.

2. Danh sách c ông có quy n d h p ph i l p xong ch m nh t 30 (ba m i) ngày tr c ngày khai m c i h i d ki n. Danh sách c ông có quy n d h p i h i ng c ông ph i có h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s gi y ch ng minh nhân dân, h chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh c a c ông là t ch c; s l ng c ph n t ng lo i, s và ngày ng ký c ông c a t ng c ông.

3. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông g i thông báo tri u t p h p cho t t c các c ông có quy n d h p ch m nh t 15 (m i l m) ngày tr c ngày khai m c i h i ng c ông (tính t ngày mà thông báo c g i ho c chuy n i m t cách h p l , c tr c c phí ho c c b vào hôm th ). Thông báo m i h p ph i có tên, a ch tr s chính, s và ngày c p gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, n i ng ký kinh doanh c a Ngân hàng; tên, a ch th ng trú c a c ông ho c ng i i di n theo y quy n c a c ông, th i gian và a i m h p. Kèm theo thông báo m i h p ph i có ch ng trình h p, các tài li u th o lu n làm c s thông qua quy t nh và d th o quy t nh i v i t ng v n trong ch ng trình h p, m u ch nh i di n theo y quy n d h p.

4. i v i các c ông ã th c hi n vi c l u ký c phí u, thông báo h p i h i ng c ông có th c g i n t ch c l u ký, ng th i công b trên ph ng t i n thông tin c a S giao d ch ch ng khoán, trên website c a Ngân hàng, 01 (m t) t báo trung ng ho c 01 (m t) t báo a ph ng n i Ngân hàng t tr s chính. i v i các c ông ch a th c hi n vi c l u ký c phí u, thông báo h p i h i ng c ông có th c g i cho c ông b ng cách chuy n t n tay ho c g i qua b u i n b ng ph ng th c b o m t i a ch ã ng ký c a c ông, ho c t i a ch do c ông ó cung c p ph c v i c g i thông tin. Tr ng h p c ông ã thông báo cho Ngân hàng b ng v n b n v s fax ho c a ch th i n t , thông báo h p i h i ng c ông có th c g i t i s fax ho c a ch th i n t ó. Tr ng h p c ông là ng i làm vi c trong Ngân hàng, thông báo có th ng trong phong bì dán kín g i t n tay h t i n i làm vi c. Tr ng h p Ngân hàng có website, thông báo h p i h i ng c ông ph i c công b trên website c a Ngân hàng ng th i v i vi c g i thông báo cho các c ông.

5. Công hoc nhóm công c c p i m d kho n l i u 26 i u l này có quy n xu t các v n a vào ch ng trình h p i h i ng c ông. xu t ph i c làm b ng v n b n và ph i c g i cho Ngân hàng ít nh t 03 (ba) ngày làm vi c tr c ngày khai m c i h i ng c ông. xu t ph i bao g m h và tên c ông, s l ng và lo i c ph n c ông ho c nhóm c ông n m gi v à n i dung ngh a vào ch ng trình h p.

6. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n t ch i nh ng xu t li ên quan n kho n 5 i u này trong các tr ng h p sau:

a) xu t c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;

b) Vào th i i m xu t, c ông ho c nhóm c ông không có ít nh t tr ên 10% (m i ph n tr m) tr lên c ph n ph thông trong th i gian li ên t c ít nh t 06 (sáu) tháng;

c) V n xu t không thu c ph m vi th m quy n c a i h i ng c ông b àn b c và thông qua.

7. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ph i ch p nh n v à a ki n ngh quy nh t i kho n 5 i u này vào đ ki n ch ng trình và n i dung cu c h p, tr tr ng h p quy nh t i kho n 6 i u này; ki n ngh c chính th c b sung vào ch ng trình và n i dung cu c h p n u c i h i ng c ông ch p thu n.

8. H i ng qu n tr ph i chu n b d th o ngh quy t cho t ng v n trong ch ng trình h p.

### **i u 32. Quy n đ h p i h i ng c ông**

1. Các c ông cá nhân ho c ng i i di n theo y quy n c ông là t ch c có quy n tr c ti p tham d i h i ng c ông ho c y quy n cho ng i khác tham d cu c h p. Ng i c y quy n không nh t thì t là c ông c a Ngân hàng. Vi c y quy n c th c hi n theo quy nh c a i u l này và pháp lu t có li ên quan.

2. Tr ng h p c ông là pháp nhân m i t ch c l i ho c th a k quy n và ngh a v c ông thì c ông này g i cho H i ng qu n tr các v n b n có hi u l c pháp lý v vi c t ch c l i ho c th a k H i ng qu n tr quy t nh v c ông, c phi u, c ph n và ng i c đ h p theo quy nh c a pháp lu t.

3. Tr ng h p c ph n c chuy n nh ng trong th i gian t ngày l p xong danh sách c ông n ngày khai m c h p i h i ng c ông thì ng i nh n chuy n nh ng có quy n đ h p i h i ng c ông thay th cho ng i chuy n nh ng i v i s c ph n ã chuy n nh ng.

### **i u 33. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông**

1. i h i ng c ông c t i n hành khi có s c ông đ h p i di n cho ít nh t 65% (sáu m i l m ph n tr m) trong t ng s c ph n có quy n bi u quy t.

2. Tr ng h p cu c h p l n th nh t không i u ki n t i n hành theo quy nh t i kho n 1 i u này thì c tri u t p h p l n th hai trong th i h n 30 (ba m i) ngày

k t ngày đ nh t ch c i h i ng c ông l n th nh t. i h i ng c ông tri u t pl n th hai ch c ti n hành khi có thành viên tham đ là các c ông và nh ng i di n c y quy n đ h p i di n cho ít nh t 51% (n m m i ph n tr m) t ng s c ph n có quy n bi u quy t.

3. Tr ng h p i h i l n th hai không c ti n hành do không có s i bi u c n thi t theo quy nh t i kho n 2 i u này thì i h i ng c ông l n th ba có th c tri u t p trong vòng 20 (hai m i) ngày k t ngày đ nh ti n hành i h i l n hai và trong tr ng h p này i h i c ti n hành không ph thu c vào s l ng c ông hay i di n y quy n tham đ và c coi là h pl và có quy n quy t nh t t c các v n mà i h i ng c ông l n th nh t có th phê chu n.

4. Theo ngh Ch t a, i h i ng c ông có quy n thay i ch ng trình h p ã c g i kèm theo thông báo m i h p theo quy nh t i i u l này.

### **i u 34. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông**

1. Vào ngày t ch c i h i ng c ông, Ngân hàng ph i th c hi n th t c ng ký c ông và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ông có quy n đ h p có m t ng ký h t.

2. Khi ti n hành ng ký c ông, Ngân hàng s c p cho t ng c ông ho c i di n c y quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t ho c các phi u bi u quy t, trên ó có ghi s ng ký, h và tên c a c ông, h và tên i di n c y quy n và s phi u bi u quy t c a c ông ó. Khi ti n hành bi u quy t b ng th t i i h i, s th ng h ngh quy t c m tr c, s th ph n i ngh quy t c m sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh. T ng s phi u ng h , ph n i t ng v n ho c b phi u tr ng, s c Ch t a thông báo ngay sau khi ti n hành bi u quy t v n ó. Khi bi u quy t b ng các phi u bi u quy t có th bao g m nhi u v n c n l y bi u quy t. K t qu ki m phi u bi u quy t s c xác l p thành biên b n riêng. i h i s t ch n trong s i bi u nh ng ng i ch u trách nhi m ki m phi u ho c giám sát ki m phi u và n u i h i không ch n thì Ch t a s ch n nh ng ng i ó.

3. C ông n đ i h i ng c ông mu n có quy n ng ký ngay v à sau ó có quy n tham gia và bi u quy t ngay t i i h i. Ch t a không có trách nhi m đ ng i h i cho c ông n mu n ng ký và hi u l c c a các t bi u quy t ã ti n hành tr c khi c ông n mu n tham đ s không b nh h ng.

4. i h i ng c ông s do Ch t ch H i ng qu n tr ch trì, tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr v ng m t thì Phó Ch t ch H i ng qu n tr ho c là ng i c i h i ng c ông b u ra s ch trì. Tr ng h p không ai trong s h có th ch trì i h i, thành viên H i ng qu n tr ch c v cao nh t có m t s t ch ch p b u ra Ch t a c a i h i ng c ông, Ch t a không nh t thi t ph i là thành viên H i ng qu n tr. Ch t ch, Phó ch t ch ho c Ch t a c i h i ng c ông b u ra c m t th ký ho c T th ký l p biên b n i h i. Tr ng h p b u Ch t a, tên Ch t a c c và s phi u b u cho Ch t a ph i c công b . Ch t a i h i ng c ông có th ngh m t ch t a oàn v i s l ng không quá 03 (ba) ng i cùng ch trì i h i.

5. Ch t a có quy n hoãn cu c h p i h i ng c ông ã có s ng i ng ký d h p theo quy nh n m t th i i m khác ho c thay i a i m h p tr ong các tr ng h p sau ây:

- a) a i m h p không có ch ng i thu n t i n cho t t c ng i d h p;
- b) Có ng i d h p có hành vi c n tr , gây r i tr t t , có nguy c làm cho cu c h p không c t i n hành m t cách công b ng và h p pháp;
- c) Th i gian hoãn t i a không quá 03 (ba) ngày, k t ngày cu c h p đ nh khai m c.

6. Tr ng h p ch t a hoãn ho c t m đ ng h p i h i ng c ông trái v i quy nh t i kho n 5 i u này, i h i ng c ông b u m t ng i khác trong s nh ng ng i d h p thay th ch t a i u hành cu c h p cho n lúc k t thúc và hi u l c các bi u quy t t i cu c h p ó không b nh h ng.

7. Ch t a c a i h i ho c Th ký i h i có th t i n hành các ho t ng mà h th y c n thi t i u khi n i h i ng c ông m t cách h p l và có tr t t ; ho c i h i ph n ánh c mong mu n c a a s tham d .

8. Ng i tri u t p i h i ng c ông có th yêu c u các c ông ho c i di n c y quy n tham d i h i ng c ông ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh mà H i ng qu n tr cho là thích h p. Tr ng h p có c ông ho c i di n c y quy n không ch u tuân th nh ng quy nh v ki m tra ho c các bi n pháp an ninh nói trên, ng i tri u t p i h i ng c ông sau khi xem xét m t cách c n tr ng có th t ch i ho c tr c xu t c ông ho c i di n nói trên ra kh i cu c h p i h i.

9. Ng i tri u t p i h i ng c ông, sau khi ã xem xét m t cách c n tr ng, có th t i n hành các bi n pháp c H i ng qu n tr cho là thích h p :

- a) i u ch nh s ng i có m t t i a i m chính h p i h i ng c ông;
- b) B o m an toàn cho m i ng i có m t t i a i m ó;
- c) T o i u ki n cho c ông tham d (ho c t i p t c tham d ) i h i.

Ng i tri u t p i h i ng c ông có to àn quy n thay i nh ng bi n pháp nêu trên và áp d ng t t c các bi n pháp n u th y c n thi t. Các bi n pháp áp d ng có th l à c p gi y vào c a ho c s d ng nh ng hình th c l a ch n khác.

10. Trong tr ng h p t i i h i ng c ông có áp d ng các bi n pháp nói tr ên, H i ng qu n tr khi xác nh a i m i h i có th :

- a) Thông báo r ng i h i s c t i n hành t i a i m ghi trong thông báo và ch t a i h i s có m t t i ó (“ a i m chính c a i h i”);
- b) B trí, t ch c nh ng c ông ho c i di n c y quy n không đ h p c theo i u kho n này ho c nh ng ng i mu n tham gia a i m khác v i a i m chính c a i h i có th ng th i tham d i h i.

Thông báo v vi c t ch c i h i không c n nêu chi t i t nh ng bi n pháp t ch c theo i u này.

11. Trong i u l này (tr khi hoàn c nh yêu c u khác), m i c ông s c coi là tham gia i h i a i m chính c a i h i.

### **i u 35. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông**

1. i h i ng c ông thông qua các quy t nh thu c th m quy n b ng h ình th c bi u quy t t i cu c h p ho c l ý k i n b ng v n b n. i h i ng c ông th ng niên không c t ch c d i hình th c l ý k i n b ng v n b n.

2. Các quy t nh c thông qua t i cu c h p i h i ng c ông v i s c ông tr c t i p và y quy n tham d i di n 100% (m t tr m ph n tr m) t ng s c ph n có quy n bi u quy t là h p pháp và có hi u l c ngay c khi trình t và th t c tri u t p, n i dung ch ng trình h p và th th c t i n hành h p không c th c hi n úng nh quy nh.

3. Quy t nh c a i h i ng c ông ph i c thông báo n c ông có quy n d h p i h i ng c ông trong th i h n 15 (m i l m) ngày, k t ngày quy t nh c thông qua.

4. Quy t nh c a i h i ng c ông v các v n quy nh t i các i m a, d, e và r kho n l i u 29 i u l này ph i c thông qua b ng hình th c bi u quy t t i cu c h p i h i ng c ông.

5. Quy t nh c a i h i ng c ông c thông qua t i cu c h p khi b o m các i u k i n sau ây:

a) c s c ông i di n trên 51% (n m m i m t ph n tr m) t ng s phi u bi u quy t c a các c ông d h p có quy n bi u quy t có m t tr c t i p ho c thông qua i di n c y quy n có m t t i i h i ch p thu n tr tr ng h p quy nh t i i m c kho n này;

b) Vi c bi u quy t b u thành viên H i ng qu n tr và thành viên Ban ki m soát th c hi n theo ph ng th c b u d n phi u, theo ó m i c ông có t ng s phi u bi u quy t t ng ng v i t ng s c ph n s h u nhân v i s thành viên c b u c a H i ng qu n tr và Ban ki m soát và c ông có quy n d n h t t ng s phi u b u c a mình cho m t ho c m t s ng c viên.

c) c s c ông i di n trên 65% (sáu m i l m ph n tr m) t ng s phi u bi u quy t c a t t c c ông d h p ch p thu n i v i m t s v n sau:

(i) Thông qua ph ng án thay i m c v n i u l ; thông qua ph ng án chào bán c ph n, bao g m lo i c ph n và t ng s c ph n c a t ng lo i c quy n chào bán;

(ii) Quy t nh s a i, b sung i u l Ngân hàng;

(iii) Quy t nh vi c t ch c l i, gi i th , phá s n Ngân hàng;

(iv) Quy t nh vi c ut , mua, bán tài s n c a Ngân hàng có giá tr t 20% (hai m i ph n tr m) tr lên so v i v n i u l c a Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t.

6. Th m quy n và th th c l ý k i n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông th c hi n theo quy nh t i i u 105 Lu t Doanh nghi p.

Trình hợp thông qua quy định hình thức lý ký ngân v n b n thì quy định của hội đồng cổ đông thông qua như sau: c s c ông i di n trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng phi u bi u quy t c a các c ông có quy n bi u quy t.

### **Điều 36. Thẩm quyền và thủ tục lý ký ngân v n b n thông qua quy định của hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thủ tục lý ký ngân v n b n thông qua quy định của hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lý ký ngân v n b n thông qua quy định của hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.

2. Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm lý ký, đồng thời quy định của hội đồng cổ đông và các tài liệu đi kèm theo quy định. Phi u lý ký kèm theo đồng thời quy định và tài liệu đi kèm phải có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật và tài liệu đi kèm phải có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật.

3. Phi u lý ký phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;

b) Mục đích và các vấn đề lý ký thông qua quy định;

c) Họ, tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, họ chữ họ của cá nhân hợp pháp khác của công ty là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quy định thành lập hợp số đăng ký kinh doanh của công ty hoặc i di n theo quy định của công ty là tổ chức; số lượng thành viên và số phi u bi u quy t c a c ông;

d) Phương án phi u quy t bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phi u v Ngân hàng phi u lý ký ngân v n b n;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người i di n theo pháp luật của Ngân hàng.

4. Phi u lý ký ngân v n b n phải có chữ ký của công ty là cá nhân, của người i di n theo quy định hoặc người i di n theo pháp luật của công ty là tổ chức.

5. Phi u lý ký ngân v n b n v Ngân hàng phải có trong phong bì dán kín và không ai được quy n mở khi niêm phong. Các phi u lý ký ngân v n b n v Ngân hàng sau thời hạn xác định nội dung phi u lý ký ngân v n b n hoặc đã bỏ phiếu không hợp lệ.

6. Hội đồng quản trị niêm phong và lập biên bản niêm phong phiếu để sẵn sàng kiểm tra của Ban kiểm soát hoặc của công ty không niêm phong phiếu của Ngân hàng. Biên bản niêm phong phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng, nội dung đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích và các vấn đề lý ký thông qua quy định;

c) Số côngavitngs phi ubi u quy t ã tham gia bi u quy t, trong ó phân bit s phi ubi u quy t h pl và s phi ubi u quy t không h pl, kèm theo ph l c danh sách c òng tham gia bi u quy t;

d) Tng s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n ;

) Các quy t nh ã c thông qua;

e) H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr, ng i i di n theo pháp lu t c a Ngân hàng và c a ng i giám sát ki m phi u.

Các thành viên H i ng qu n tr và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác.

7. Biên b n k t qu ki m phi u ph i c g i n các c òng trong th i h n 15 (m i l m) ngày, k t ngày k t thúc ki m phi u.

8. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, toàn v n quy t nh ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a Ngân hàng.

9. Quy t nh c thông qua theo hình th c l y ý ki n c òng b ng v n b n có giá tr nh quy t nh c thông qua t i cu c h p i h i ng c òng.

10. Trong th i h n 15 (m i l m) ngày, k t ngày b m c cu c h p ho c t ngày k t thúc ki m phi u i v i tr ng h pl y ý ki n b ng v n b n, t t c các ngh quy t, quy t nh c i h i ng c òng thông qua ph i c g i n Ngân hàng Nhà n c.

### **i u 37. Các i di n c y quy n**

1. Các c òng có quy n tham d i h i ng c òng theo lu t pháp có th tr c ti p tham d ho c y quy n cho i di n c a mình tham d . Tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n theo y quy n c c thì ph i xác nh c th s c ph n và s phi u b u c a m i ng i i di n.

2. Vi c y quy n cho ng i i di n d h p i h i ng c òng ph i l p thành v n b n theo m u c a Ngân hàng và ph i có ch ký theo quy nh sau ây:

a) Tr ng h p c òng cá nhân là ng i y quy n thì ph i có ch ký c a c òng ó và ng i c y quy n d h p;

b) Tr ng h p ng i i di n theo y quy n c a c òng là t ch c là ng i y quy n thì ph i có ch ký c a ng i i di n theo y quy n, ng i i di n theo pháp lu t c a c òng và ng i c y quy n d h p;

c) Trong tr ng h p khác thì ph i có ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t c a c òng và ng i c y quy n d h p.

Ng i c y quy n đ h p i h i ng c ông ph i n p v n b n y quy n tr c khi vào phòng h p.

3. Tr ng h p lu t s thay m t cho ng i y quy n ký gi y ch nh i di n, vì c ch nh i di n trong tr ng h p này ch c coi là có hi u l c n u gi y ch nh i di n ó c xu t trình cùng v i th y quy n cho lu t s ho c b n sao h p l c a th y quy n ó (n u tr c ó ch a ng ký v i Ngân hàng).

4. Tr tr ng h p quy nh t i kho n 3 i u này, phi u bi u quy t c a ng i c y quy n đ h p trong ph m vi c y quy n v n có hi u l c khi có m t trong các tr ng h p sau ây:

a) Ng i y quy n ã ch t, b h n ch n ng l c hành vi dân s ho c b m t n ng l c hành vi dân s ;

b) Ng i y quy n ã h y b vi c ch nh y quy n;

c) Ng i y quy n ã h y b th m quy n c a ng i th c hi n vi c y quy n.

i u kho n này s không áp d ng trong tr ng h p Ngân hàng nh n c thông báo v m t trong các s ki n ch m nh t 24 (hai m i b n) gi tr c gi khai m c cu c h p i h i ng c ông ho c tr c khi cu c h p c tri u t p l i.

### **i u 38. Thay i các quy n**

1. Các quy t nh c a i h i ng c ông liên quan n v n c ph n c a Ngân hàng c chia thành các lo i c ph n khác nhau, v vì c thay i ho c h y b các quy n c bi t g n li n v i t ng lo i c ph n s ch c thông qua khi có s nh t trí b ng v n b n c a nh ng ng i n m gi trên 51% (n m m i m t ph n tr m) quy n bi u quy t c a c ph n ã phát hành lo i ó.

2. Vi c t ch c m t cu c h p nh trên ch có giá tr khi có t i thi u 02 (hai) c ông (ho c i di n c y quy n c a h ) và n m gi t i thi u 1/3 (m t ph n ba) giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ã phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nh trên thì s t ch c h p l i trong vòng 30 (ba m i) ngày sau ó và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c y quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p riêng bi t nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c qua ng i i di n u có th yêu c u b phi u kín và m i ng i khi b phi u kín u có m t lá phi u cho m i c ph n s h u thu c lo i ó.

3. Th t c ti n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 33 và i u 35 i u l này.

4. Tr khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ã i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n chia s l i nhu n ho c tài s n c a Ngân hàng s không b thay i khi Ngân hàng phát hành thêm các c ph n cùng lo i.



### **Điều 39. Biên bản họp Hội đồng**

1. Người chủ trì Hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Hội đồng và gửi cho tất cả các thành viên trong vòng 15 (mười lăm) ngày khi Hội đồng kết thúc. Biên bản Hội đồng được coi là bằng chứng xác thực về nội dung công việc đã tiến hành tại Hội đồng trừ khi có ý kiến phản biện nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười ngày) kể từ khi gửi biên bản. Biên bản họp Hội đồng có thể ký xác nhận của Chủ tịch Hội và Thủ ký và chấp thuận theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các biên bản ghi chép, biên bản, sổ sách ký của các thành viên họp và văn bản quy định tham dự Hội đồng gửi tới cơ quan chính của Ngân hàng.

2. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bắt đầu họp, tất cả các quy định của Hội đồng được thông qua phải gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố Ngân hàng để cơ quan chính.

### **Điều 40. Yêu cầu hủy bỏ quy định của Hội đồng**

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận biên bản họp Hội đồng hoặc biên bản kết quả kiểm tra nội dung Hội đồng, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quy định của Hội đồng trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập cuộc họp Hội đồng không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật; hoặc
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm các quy định của Điều lệ này hoặc pháp luật.

## **Mục 3 HỘI NGƯỜI QUẢN TRỊ**

### **Điều 41. Thành phần và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng quyết định, thực hiện các quy định và nghĩa vụ của Ngân hàng trước pháp luật và thu nhập từ các hoạt động của Hội đồng.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người. Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại vào nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ trước kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. Hội đồng quản trị có tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị không phải là người nội bộ Ngân hàng và thành viên chấp thuận, trong đó có tối thiểu 01 (một) thành viên chấp thuận. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên chấp thuận.

3. Cá nhân và ng i có liên quan c a cá nhân ó ho c nh ng ng i i đi n v n góp c a m t c ông là t ch c và ng i có liên quan c a nh ng ng i này c quy n tham gia H i ng qu n tr , nh ng không c v t quá 1/3 (m t ph n ba) t ng s thành viên H i ng qu n tr c a Ngân hàng, tr tr ng h p là ng i i đi n ph n v n góp c a Nhà n c.

4. Tr ng h p s l ng các ng viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo m t c ch do Ngân hàng quy nh. C ch c hay cách th c H i ng qu n tr ng nhi m c ng c viên H i ng qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi ti n hành c .

5. Vi c b u, b nhi m các thành viên H i ng qu n tr ph i c thông báo theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán và các quy nh pháp lu t khác có liên quan.

6. Nh ng ng i c b u, b nhi m làm thành viên H i ng qu n tr ph i thu c danh sách ã c Ngân hàng Nhà n c ch p thu n.

7. Thành viên H i ng qu n tr không nh t thi t ph i là ng i n m gi c ph n c a Ngân hàng.

#### **i u 42. Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr**

1. Ch u trách nhi m tr c pháp lu t, tr c i h i ng c ông trong vi c th c hi n nhi m v , quy n h n c giao.

2. Quy t nh chi n l c, k ho ch phát tri n trung h n và k ho ch kinh doanh h ng n m c a Ngân hàng.

3. Quy t nh c c ut ch c c a tr s chính, b ph n ki m toán n i b , s giao d ch, chi nhánh, công ty con, v n phòng i đi n, n v s nghi p.

4. Trình i h i ng c ông quy t nh, thông qua các v n thu c th m quy n c a i h i ng c ông quy nh kho n l i u 29 i u l .

5. Quy t nh vi c m s giao d ch, chi nhánh, v n phòng i đi n, n v s nghi p.

6. B nhi m, mi n nhi m, b i nhi m, k lu t, ình ch và quy t nh m c l ng, l i ích khác i v i các ch c danh T ng giám c, Phó T ng giám c, K toán tr ng, Th ký H i ng qu n tr , các ch c danh thu c b ph n ki m toán n i b , Giám c s giao d ch, chi nhánh, công ty con, n v s nghi p, Tr ng v n phòng i đi n và các ch c danh khác thu c th m quy n c a H i ng qu n tr tr ên c s quy nh n i b do H i ng qu n tr ban hành.

7. Thông qua ph ng án góp v n, mua c ph n c a doanh nghi p, t ch c tín d ng khác có giá tr đ i 20% (hai m i ph n tr m) v n i u l c a Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t.

8. C ng i i đi n v n góp ( i đi n theo y quy n) c a Ngân hàng t i doanh nghi p, t ch c tín d ng khác.

9. Quy định suất, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng tối đa 10% (mười phần trăm) trở lên số vốn của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất, trừ các khoản suất, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định trong khoản 1 Điều 29 Điều lệ này.

10. Quy định các khoản cấp tín dụng theo quy định khoản 7 Điều 128 Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thu nhập quy định của Hội đồng quản trị trong khoản 1 Điều 29 Điều lệ này.

11. Thông qua các hợp đồng giao dịch của Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cố vấn và người có liên quan khác có giá trị bằng hoặc hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

12. Quy định chức năng kiểm toán nội bộ.

13. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan nội bộ kiểm toán nội bộ, hướng dẫn kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

14. Kiểm tra, giám sát, chức năng Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ công khai; đánh giá hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.

15. Ban hành các quy định nội bộ liên quan nội bộ, quản trị và hoạt động của ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ này, trình Hội đồng quản trị của Ban kiểm soát hoặc Hội đồng quản trị.

16. Quy định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.

17. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

18. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá tài sản không phải là tín dụng, ngoại hối, vàng theo quy định của pháp luật.

19. Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.

20. Quy định chào bán công khai mới trong phạm vi số vốn quy định chào bán.

21. Quy định giá chào bán công khai và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.

22. Quy định mua lại công khai của Ngân hàng theo quy định Điều lệ này.

23. Kiểm soát phòng ngừa phân phối lợi nhuận, mặt cắt ngang; quy định thị trường và thực tiễn cạnh tranh xã hội phát sinh trong quá trình kinh doanh.

24. Chủ nhiệm nội dung, tài liệu liên quan trình Hội đồng quản trị quy định các vấn đề thu nhập quy định của Hội đồng quản trị, trình Hội đồng quản trị chấp thuận nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

25. Duy t ch ng trnh, n i dung, tài li u ph c v h p i h i ng c ông; tri u t p h p i h i ng c ông ho c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh.

26. T ch c tri n khai, ki m tra, giám sát vi c th c hi n các ngh quy t, quy t nh c a i h i ng c ông ho c c a H i ng qu n tr .

27. Thông báo k p th i cho Ngân hàng Nhà n c thông tin nh h ng tiêu c c n t cách thành viên H i ng qu n tr , Ban ki m soát, T ng giám c .

28. Ki n ngh vi c t ch c l i, gi i th ho c yê u c u phá s n Ngân hàng.

29. Trình báo cáo quy t toán tài chính h ng n m lên i h i ng c ông.

30. Các quy n và nhi m v khác theo quy nh t i i u l này và pháp lu t.

### **i u 43. Ch t ch H i ng qu n tr**

1. H i ng qu n tr b u ra m t Ch t ch và (các) Phó ch t ch trong s các thành viên H i ng qu n tr theo nguyên t c a s quá bán. Ch t ch H i ng qu n tr ph i th ng trú Vi t Nam trong su t nhi m k c a mình.

2. Quy n và ngh a v c a Ch t ch H i ng qu n tr :

a) Tri u t p và ch t a các cu c h p i h i ng c ông;

b) L p ch ng trnh, k ho ch ho t ng c a H i ng qu n tr ;

c) Chu n b n i dung, tài li u, ch ng trnh ph c v cu c h p H i ng qu n tr ho c l y ý ki n c a các thành viên H i ng qu n tr ; tri u t p và ch t a cu c h p H i ng qu n tr ;

d) Thay m t H i ng qu n tr ký các ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr ; t ch c th c hi n và giám sát ho c t ch c giám sát vi c th c hi n các quy t nh ó;

) m b o vi c H i ng qu n tr g i báo cáo tài chính hàng n m, báo cáo ho t ng c a Ngân hàng, báo cáo ki m toán và báo cáo ki m tra c a H i ng qu n tr cho các c ông t i i h i ng c ông;

e) m b o r ng các thành viên H i ng qu n tr nh n c thông tin y , khách quan, chính xác, và đ hi u liên quan n các v n mà H i ng qu n tr ph i xem xét;

g) Chu n b k ho ch làm vi c và phân công nhi m v cho các thành viên H i ng qu n tr . N i dung phân công nhi m v c th c a t ng th ành viên H i ng qu n tr ph i c th hi n đ i đ ng v n b n và có ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr ;

h) Giám sát các thành viên H i ng qu n tr trong vi c th c hi n các công vi c c phân công và các nhi m v quy n h n c a h ;

i) Giám sát quá trình t ch c th c hi n các ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr ;

k) đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và thẩm định nội dung và báo cáo tài chính công bố kết quả đánh giá này;

l) làm báo cáo lao động có thể có báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc của Ngân hàng, và Hội đồng quản trị hoặc thành viên chấp hành khác của Hội đồng quản trị;

m) Thực hiện việc thông qua quy định của Hội đồng quản trị;

n) Các quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Chức vụ quy định về bổ nhiệm cho một Phó chức hoặc một thành viên Hội đồng quản trị thể hiện các quy định và nghĩa vụ của mình trong thời gian Chức vụ đang nắm giữ và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng biết về việc quy định này. Nếu Chức vụ đang nắm giữ mà không quy định hoặc một khi ngừng thể hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bổ nhiệm Phó chức tạm thời giữ chức Chức vụ. Trường hợp Chức vụ và Phó chức đang nắm giữ hoặc không thể làm việc được thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bổ nhiệm người khác trong số những người giữ chức Chức vụ Hội đồng quản trị theo nguyên tắc sau.

#### **Điều 44. Quy định về nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

Các thành viên Hội đồng quản trị có những quy định và nhiệm vụ sau:

1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều này.

2. Thể hiện các nhiệm vụ và quy định của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chức vụ Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng và công đồng.

3. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên chấp hành, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, Giám đốc Ngân hàng, kiểm toán viên chấp hành và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

4. Bảo vệ, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chức vụ Hội đồng quản trị.

5. Yêu cầu Chức vụ Hội đồng quản trị tri thức và chuyên môn Hội đồng quản trị bắt đầu theo quy định của Điều này và pháp luật.

6. Yêu cầu tri thức và chuyên môn công bố thông tin theo quy định của Điều này và pháp luật.

7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quy định của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều này, trừ trường hợp không có biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước công đồng và trước Hội đồng quản trị về những quy định của mình.

8. Trín khai th c hi n các ngh quy t, quy t nh c a i h i ng c ông và H i ng qu n tr .

9. Có trách nhi m gi i trình tr c i h i ng c ông, H i ng qu n tr v vi c th c hi n nhi m v c giao khi c yêu c u.

10. Các quy n và nhi m v khác theo quy nh c a i u l này và pháp lu t.

#### **i u 45. Thù lao và l ích c a thành viên H i ng qu n tr**

1. Các thành viên H i ng qu n tr c nh n thù lao công vi c và ti n th ng đ a trên k t qu và hi u qu kinh doanh c a Ngân hàng.

2. H i ng qu n tr đ tính m c thù lao cho t ng thành viên H i ng qu n tr theo nguyên t c nh t trí. T ng m c thù lao c a H i ng qu n tr do i h i ng c ông quy t nh t i các cu c h p th ng niên.

3. Thù lao c a các thành viên H i ng qu n tr c tính vào chi phí kinh doanh c a Ngân hàng theo quy nh c a pháp lu t v thu thu nh p doanh nghi p, pháp lu t có liên quan và ph i ghi thành m c riêng trong báo cáo tài chính hàng n m c a Ngân hàng, ph i báo cáo i h i ng c ông t i các cu c h p th ng niên.

4. Thành viên H i ng qu n tr n m gi ch c v i u hành (bao g m c ch c v Ch t ch ho c Phó ch t ch), ho c thành viên H i ng qu n tr làm vi c t i các y ban c a H i ng qu n tr , ho c th c hi n nh ng công vi c khác m à theo quan i m c a H i ng qu n tr là n m ngoài ph m vi nhi m v thông th ng c a m t thành viên H i ng qu n tr , có th c tr thêm ti n thù lao đ i đ ng m t kho n ti n công tr n gói theo t ng l n, l ng, hoa h ng, ph n tr m l i nhu n, ho c đ i hình th c khác theo quy t nh c a H i ng qu n tr .

5. Thành viên H i ng qu n tr c thanh toán các chi phí n , , i l i v à chi phí h p lý khác khi th c hi n nhi m v c giao. Chi phí ho t ng c a H i ng qu n tr c tính vào chi phí kinh doanh c a Ngân hàng.

#### **i u 46. Tiêu chu n và i u ki n làm thành viên H i ng qu n tr**

1. Thành viên H i ng qu n tr ph i áp ng các tiêu chu n và i u ki n sau:

a) Không thu c i t ng quy nh t i kho n 2 i u 63 i u l này;

b) Có o c ngh nghi p trên c s tuân th quy nh t i i u 65 và i u 66 i u l này;

c) Hi u bi t v ho t ng ngân hàng:

(i) Có b ng i h c ho c trên i h c v ngành kinh t , qu n tr kinh doanh, lu t; ho c

(ii) Có ít nh t 03 (ba) n m làm ng i qu n lý doanh nghi p ho t ng trong ngành tài chính ngân hàng, b o hi m, ch ng khoán, k toán, ki m toán; ho c

(iii) Có ít nh t 05 (n m) n m làm vi c tr c ti p t i các b ph n nghi p v trong l nh v c ngân hàng, tài chính, ki m toán ho c k toán; ho c

(iv) Là công cá nhân sử dụng hoặc công nghiệp quy định sử dụng ít nhất 5% (nằm phần trăm) tổng số vốn công phần thông có quy định quy tắc Ngân hàng, trở thành thành viên công nhân viên.

2. Thành viên Hội đồng quản trị công nhân viên là thành viên đáp ứng các điều kiện theo khoản 1 điều này và các yêu cầu sau:

a) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng bất kỳ thời gian nào trong 03 (ba) năm liên tiếp trước;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao hoặc xuyên, của Ngân hàng ngoài ngân hàng công nhân viên theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;

c) Không phải là người mà vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình sử dụng ít nhất 5% (nằm phần trăm) số phần có quy định quy tắc trở lên của Ngân hàng, là người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

d) Không trực tiếp hoặc gián tiếp sử dụng ít nhất 1% (mười phần trăm) số phần có quy định quy tắc trở lên của Ngân hàng;

e) Không cùng Người có liên quan theo quy định điều này sử dụng ít nhất 5% (nằm phần trăm) số phần có quy định quy tắc trở lên của Ngân hàng;

f) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liên tiếp trước.

3. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định điều này thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 47. Nguyên tắc cách, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Các trở ngại nguyên tắc cách thành viên Hội đồng quản trị:

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;

b) Vi phạm khoản 2 điều 63 điều này;

c) Tác cách pháp nhân của công ty là chết (mà thành viên Hội đồng quản trị đó là người định viên góp) chấm dứt;

d) Tác cách làm người định theo quy định của công ty chấm dứt;

e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

f) Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

g) Hết nhiệm kỳ mà không tái cử.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định (các) thành viên Hội đồng quản trị bị nguyên tắc cách theo quy định a, b, c, d và khoản 1 điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh các thông tin Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của

báo cáo này trừ pháp luật; đồng thời thể hiện các thủ tục bù, bù nhiệm chức danh bù khuyết theo các quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng sau khi bổ xác định nghĩa vụ trách nhiệm cá nhân về các quy định trái với quy định của pháp luật và nội dung này hoặc các quy định khác ý làm sai của mình trong thời gian nhiệm vụ.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Nhà nước chủ yếu trách nhiệm (những) nghĩa vụ trách nhiệm quy định tại khoản 1 nội dung này nghĩa vụ trách nhiệm nội dung.

5. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị bổ xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không có hành vi dân sự bất hợp pháp;
- b) Có xin thôi chức vụ Hội đồng quản trị (trong đó nêu rõ lý do thôi chức);
- c) Không có yêu cầu về tính công lý về thành viên Hội đồng quản trị công lý;
- d) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng;
- e) Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại điều 65, điều 66 nội dung này;
- f) Khi cơ quan có thẩm quyền bổ, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;
- g) Không có tiêu chuẩn, nội dung theo quy định tại điều 46 nội dung này;
- h) Các trường hợp khác theo quy định của nội dung này và pháp luật.

6. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng sau khi bổ miễn nhiệm, bổ nhiệm về nghĩa vụ trách nhiệm cá nhân về các quy định trái với quy định của pháp luật và nội dung này, hoặc các quy định khác ý làm sai của mình trong thời gian nhiệm vụ.

7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Nhà nước chủ yếu nghĩa vụ trách nhiệm nội dung khi bổ miễn nhiệm, bổ nhiệm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng.

8. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quy định nội dung này, bổ nhiệm về (các) thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 5 nội dung này, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh chức vụ Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trừ pháp luật.

#### **Điều 48. Các chức vụ của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bổ Chủ tịch thì chức vụ ưu tiên của nhiệm vụ Hội đồng quản trị bổ Chủ tịch và ra các quy định khác theo thẩm quyền phải có tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bổ chức vụ Hội đồng



quản trị nhiệm kỳ. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc ngẫu nhiên trong số những triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp như các buổi họp thông thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc nơi khác.

3. Cuộc họp như các Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau:

a) Có yêu cầu của Ban kiểm soát;

b) Có yêu cầu của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) cán bộ quản lý;

c) Có yêu cầu ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật khác có liên quan.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu bầu quy tắc thành viên.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như là thành viên Hội đồng quản trị.

Trường hợp Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền đề nghị cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có phiếu quyết.

7. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị có Chủ tịch yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị trong các yêu cầu theo quy định của Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người yêu cầu triệu tập không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nghĩa thì phải chịu trách nhiệm về nghĩa thì xảy ra tại Ngân hàng, trường hợp không triệu tập họp là vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người triệu tập họp Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị đã bầu phiếu bầu Chủ tịch cuộc họp.

8. Ngân hàng quy định trong quy định nội bộ của Hội đồng quản trị các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng quản trị trong trường hợp khẩn cấp.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc ủy

ki n bi u quy t b ng v n b n. Tr ng h p bi u quy t b ng v n b n, phi u bi u quy t phi ng trong phong bì kín và phi c chuy n n ch t a cu c h p H i ng qu n tr ch m nh t 01 (m t) gi tr c gi khai m c. Phi u bi u quy t ch c m tr c s ch ng ki n c a t t c nh ng thành viên tr c ti p d h p.

10. Thành viên H i ng qu n tr c y quy n cho ng i khác không phi là thành viên H i ng qu n tr d h p n u c a s thành viên H i ng qu n tr ch p thu n. Trong tr ng h p này, ng i c y quy n d h p không c bi u quy t.

11. Quy t nh c a H i ng qu n tr c thông qua n u c a s phi u tán thành, bao g m c phi u bi u quy t b ng v n b n và bi u quy t theo y quy n; tr ng h p s phi u ngang nhau thì quy t nh cu i cùng thu c v phía có ý ki n c a ng i ch t a cu c h p.

#### **i u 49. S d ng d ch v t v n chuyên nghi p**

H i ng qu n tr và các y ban c a H i ng qu n tr có quy n thu ê nhân viên và t v n c l p, các k toán c l p, và các t v n bên ngoài khác th c hi n các công vi c liên quan phù h p v i i u l và quy nh c a pháp lu t, n u c n thi t th c hi n quy n h n và nhi m v c a h b ng chi phí c a Ngân hàng mà không c n phi tham kh o tr c b t k m t ng i qu n lý nào c a Ngân hàng.

### **M c 4 T NG GIÁM C**

#### **i u 50. T ng giám c**

1. T ng giám c là ng i i u hành cao nh t c a Ngân hàng, i u hành ho t ng hàng ngày c a Ngân hàng.

2. T ng giám c do H i ng qu n tr thu ê ho c b nhi m, ch u s giám sát c a H i ng qu n tr và ch u trách nhi m tr c H i ng qu n tr và pháp lu t v th c hi n các quy n và nhi m v c giao.

3. Nhi m k c a T ng giám c là 05 (n m) n m tr tr ng h p H i ng qu n tr có quy t nh khác. T ng giám c có th c b nhi m l i v i s nhi m k không h n ch .

4. Quy n và nhi m v c a T ng giám c:

a) Quy t nh các v n thu c th m quy n liên quan n ho t ng kinh doanh hàng ngày mà không c n phi có quy t nh c a H i ng qu n tr ;

b) T ch c th c hi n ngh quy t, quy t nh c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr ;

c) T ch c th c hi n k ho ch kinh doanh và ph ng án u t c a Ngân hàng; ký k t h p ng nhân danh Ngân hàng theo quy nh c a i u l này và quy nh n i b c a Ngân hàng;

d) Kiểm soát, xuất phát ngân sách, quy định quản lý nội bộ Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quy định theo thẩm quyền; thẩm tra, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng, Hội đồng quản trị;

e) Quy định lương, thưởng và phúc lợi vật chất cán bộ, nhân viên và người lao động trong Ngân hàng theo thẩm quyền;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiểm soát phát hành sản phẩm tín dụng, xử lý rủi ro trong kinh doanh;

i) Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quy định toán và các thông tin tài chính khác;

k) Ban hành theo thẩm quyền quy định, quy định nội bộ, quy trình, thủ tục tác nghiệp phục vụ hành hoạt động của ngân hàng kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;

l) Báo cáo với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Hội đồng và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và điều lệ này;

m) Quy định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, cháy nổ, hỏa hoạn, sạt lở,...) và chịu trách nhiệm về những quy định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị để quy định tiếp;

n) Kiểm soát, xuất phát chi tiêu, quản trị và hoạt động Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quy định theo thẩm quyền;

o) Nghiên cứu tiếp nhận Hội đồng quản trị bất thành theo quy định điều lệ này;

p) Các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ này và pháp luật có liên quan.

### **Điều 51. Giúp việc cho Tổng giám đốc**

1. Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, ban chức năng và các chức danh khác theo quy định của Ngân hàng.

2. Phó Tổng giám đốc trợ giúp Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo phân công của Tổng giám đốc; báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ của Tổng giám đốc phân công.

3. Số lượng Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quy định trên cơ sở xuất phát từ Tổng giám đốc.

4. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quy định và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và nội bộ Ngân hàng.

**Điều 52. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Sở giao dịch, Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các danh tiếng**

1. Tổng giám đốc Ngân hàng phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc diện quy định khoản 2 Điều 63 Điều lệ này;

b) Có trình độ chuyên nghiệp trên cơ sở tuân thủ theo quy định Điều 65 và Điều 66 Điều lệ này;

c) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm:

(i) Có bằng cấp học tập lên cao trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;

(ii) Có ít nhất 05 (năm) năm làm nghiệp vụ hành chính Ngân hàng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu từ thị trường chứng khoán và pháp nhân nội địa của công ty con theo quy định của pháp luật hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm vị trí công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;

d) Công trú tại Việt Nam trong thời gian quy định.

2. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Sở giao dịch, Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các danh tiếng Ngân hàng phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc diện quy định khoản 1 Điều 63 Điều lệ này; nếu là Phó Tổng giám đốc không thuộc diện quy định khoản 2 Điều 63 Điều lệ này;

b) Có trình độ chuyên nghiệp; ngoài ra, nếu là Phó Tổng giám đốc, yêu cầu phải tuân thủ theo quy định Điều 65 và Điều 66 Điều lệ này;

c) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm:

(i) Có bằng cấp học tập lên cao trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình đảm nhiệm; hoặc

(ii) Có bằng cấp học tập lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 (ba) năm làm vị trí công tác trong ngành tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình đảm nhiệm.

d) Công trú tại Việt Nam trong thời gian quy định.

3. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định Điều lệ này Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Sở giao dịch, Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và các danh tiếng của Ngân hàng phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

**đ i u 53. Quy định về cách, nhiệm vụ, thẩm quyền của Giám đốc**

1. Giám đốc quy định về cách Giám đốc trong các trường hợp sau:

- a) Mất hoặc hành vi dân sự có lỗi;
- b) Vi phạm quy định khoản 2 điều 63 của Luật này;
- c) Bị xử phạt cảnh cáo của Công an xã hội của Việt Nam;
- d) Ngân hàng thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
- đ) Hợp đồng thuê Giám đốc hết hiệu lực.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định Giám đốc quy định về cách theo quy định khoản 1 của Luật này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cho Giám đốc Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này theo pháp luật; đồng thời chỉ định các thẩm định, thẩm định danh sách theo quy định của pháp luật.

3. Giám đốc của Ngân hàng sau khi bị xác định về cách và nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc các quy định trái với quy định của pháp luật và điều này, hoặc các quy định khác làm sai lệch mình trong thời gian nhiệm vụ.

4. Danh sách Thẩm định của Ngân hàng Nhà nước chủ yếu dựa trên Giám đốc quy định về cách nhiệm vụ quy định khoản 1 của Luật này nhiệm vụ thẩm định.

5. Giám đốc của Ngân hàng xem xét nhiệm vụ, thẩm quyền trong các trường hợp sau:

- a) Bị hạn chế hoặc hành vi dân sự;
- b) Có xin thôi việc của Hội đồng quản trị Ngân hàng (trong đó nêu rõ lý do xin thôi việc);
- c) Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định của điều 65 và điều 66 của Luật này;
- d) Khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định thẩm định;
- đ) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của khoản 1 điều 52 của Luật này;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của Luật này và pháp luật.

6. Giám đốc của Ngân hàng sau khi bị nhiệm vụ, thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc các quy định trái với quy định của pháp luật và điều của Ngân hàng, hoặc các quy định khác làm sai lệch mình trong thời gian nhiệm vụ.

7. Danh sách Thẩm định của Ngân hàng Nhà nước chủ yếu dựa trên thẩm định thẩm định khi bị nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng.

8. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quy định này, Ban giám đốc Ngân hàng phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cho thấy Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trên pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục bổ nhiệm chức danh bổ khuyết theo các quy định của pháp luật.

Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo, Ban giám đốc Ngân hàng phải tiến hành các thủ tục bổ nhiệm hoặc thuê Tổng giám đốc mới.

## **Mục 5** **BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 54. Ban kiểm soát và chức vụ Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, nội quy và nghị quyết, quy định của Hội đồng công và Hội đồng quản trị của Ngân hàng.

2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Số thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không ít hơn 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên, không đồng thời kiêm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác. Ban kiểm soát bổ nhiệm thành viên làm Trưởng ban.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Hội đồng công bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm; nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát; thành viên Ban kiểm soát có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát có thể bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ trước thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

4. Trưởng ban thành viên Ban kiểm soát không quá 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không phải thành viên tối thiểu theo quy định của nội quy này thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không phải thành viên, Ngân hàng phải bổ sung số lượng thành viên Ban kiểm soát.

5. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, các số đông các nguồn lực của Ngân hàng, các thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài thực hiện nhiệm vụ của mình.

### **Điều 55. Quy định và nhiệm vụ của Ban kiểm soát**

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và nội quy này trong quản trị, nội quy Ngân hàng; chịu trách nhiệm trên pháp luật, trước Hội đồng công trong việc thực hiện nhiệm vụ, quy định của giao.

2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát. Nghiên cứu, xem xét nội quy nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quản lý rủi ro tài chính và báo cáo.

3. Th c hi n ch c n ng ki m toán n i b . Ch u trách nh i m v các v n liên quan n b ph n ki m toán n i b , h th ng ki m tra, ki m soát n i b theo quy nh c a Ngân hàng Nhà n c. Có quy n s d ng t v n c l p và quy n c ti p c n, cung c p y , chính xác, k p th i các thông tin, tài li u liên quan n ho t ng qu n lý, i u hành Ngân hàng th c hi n nhi m v c giao.

4. Th m nh báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng u n m và h ng n m c a Ngân hàng, bao g m c báo cáo tài chính ã c ki m toán b i t ch c ki m toán c l p th c hi n. Báo cáo i h i ng c ông v k t qu th m nh báo cáo tài chính h ng n m, ánh giá tính h p lý, h p pháp, trung th c và m c c n tr ng trong công tác k toán, th ng kê và l p báo cáo tài chính. Ban ki m soát có th tham kh o ý ki n c a H i ng qu n tr tr c khi trình báo cáo và ki n ngh lên i h i ng c ông.

5. Xem xét s k toán, các tài li u khác và công vi c qu n lý, i u hành ho t ng c a Ngân hàng khi th y c n thi t ho c theo quy t nh c a i h i ng c ông ho c theo yêu c u c a c ông ho c nhóm c ông theo quy nh t i i m d kho n 1 i u 26 i u l này. Ban ki m soát tri n khai th c hi n ki m tra trong th i h n 07 (b y) ngày làm vi c, k t ngày nh n c yêu c u c a c ông ho c nhóm c ông nêu trên. Trong th i h n 15 (m i l m) ngày, k t ngày k t thúc ki m tra, Ban ki m soát ph i báo cáo, gi i trình v nh ng v n c yêu c u ki m tra n H i ng qu n tr và c ông ho c nhóm c ông có yêu c u. Vi c ki m tra c a Ban ki m soát quy nh t i kho n này không c c n tr , gây gián o n ho t ng bình th ng trong vi c qu n lý, i u hành ho t ng kinh doanh c a Ngân hàng.

6. K p th i thông báo cho H i ng qu n tr khi phát hi n tr ng h p vi ph m c a ng i qu n lý Ngân hàng theo quy nh t i i u l này và quy nh pháp lu t hi n hành có liên quan, ng th i yêu c u ng i vi ph m ch m d t hành vi vi ph m và có gi i pháp kh c ph c h u qu (n u có). L p danh sách c ông l n, c ông sáng l p và nh ng ng i có liên quan c a thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c và c ông sáng l p, c ông l n c a Ngân hàng, l u gi và c p nh t danh sách này.

7. ng h H i ng qu n tr h p b t th ng ho c ng h H i ng qu n tr tri u t p i h i ng c ông h p b t th ng theo quy nh t i i u l này và pháp lu t.

8. Tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng trong tr ng h p H i ng qu n tr có quy t nh vi ph m nghiêm tr ng quy nh t i i u l này ho c có quy t nh v t quá th m quy n c giao và tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t.

9. Các quy n và nhi m v khác theo quy nh c a pháp lu t.

### **i u 56. Quy n h n và nhi m v c a Tr ng Ban ki m soát**

Tr ng Ban ki m soát có quy n và nhi m v sau:

1. T ch c tri n khai vi c th c hi n nhi m v , quy n h n c a Ban ki m soát theo quy nh t i i u l này;

2. Chu n b ch ng trình h p c a Ban ki m soát trên c s ý ki n xu t c a thành viên Ban ki m soát liên quan n nhi m v , quy n h n c a Ban ki m soát; tri u t p và ch t a cu c h p Ban ki m soát;

3. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thực hiện quy định của Ban kiểm soát;
4. Thay mặt Ban kiểm soát triểm tra, giám sát công tác hoạt động của Hội đồng quản trị, phát hiện và báo cáo các sai phạm;
5. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết;
6. Yêu cầu ghi lời kiến nghị của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu kiến nghị của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo triểm tra, giám sát;
7. Chủ trì hoặc tham gia làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát theo Quy định nội bộ của Ngân hàng;
8. Mời mời các thành viên Ban kiểm soát nhận thông tin ý kiến, khách quan, chính xác và trung thực từ các văn phòng mà Ban kiểm soát phải xem xét;
9. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc phân công và nhiệm vụ, quy định của Ban kiểm soát;
10. Yêu cầu quy định cho mặt thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;
11. Các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.

#### **Điều 57. Quy định và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát có các quy định và nhiệm vụ sau:

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quy định của thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ này và quy định nội bộ của Ban kiểm soát mặt cách trung thực, thiện chí vì lợi ích của Ngân hàng và công đồng;
2. Bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát;
3. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triểm tra, giám sát Ban kiểm soát hoạt động;
4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiểm tra các sai phạm nếu có;
5. Thực hiện quy định yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và ghi chép các hoạt động kinh doanh thực hiện nhiệm vụ phân công;
6. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính hoạt động và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình;
7. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các văn bản thực hiện nhiệm vụ, quy định của Ban kiểm soát, trình bày ý kiến có xung đột lợi ích;
8. Các nhiệm vụ, quy định khác theo quy định điều lệ này và pháp luật.



## **Điểm 58. Quy định cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Thông báo miệng, phi vụ ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải có ghi tên thành viên Ban kiểm soát cùng thẩm định và theo phương thức như với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành có ghi tên thành viên Ban kiểm soát cùng thẩm định và theo phương thức như với thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu trữ tài chính, chi nhánh và các địa điểm khác; có quyền nhận các địa điểm ngân hàng quản lý và nhân viên Ngân hàng làm việc.
4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát, phải báo trước bằng văn bản sao chép các thông tin tài chính và các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị phải có cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thẩm định chúng cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

## **Điểm 59. Thù lao và các chi phí khác của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát được thù lao theo công việc và hưởng các lợi ích khác theo quy định của Hội đồng. Hội đồng quy định mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát được đưa vào sổ ngày làm việc để tính, số lương và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tiện ích cá nhân và chi phí khác. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát được Hội đồng chấp thuận, trừ trường hợp Hội đồng có quy định khác.
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải có lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.

## **Điểm 60. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát**

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Không thuộc diện theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Điều lệ này;
2. Có năng lực nghiệp vụ trên cơ sở tuân thủ theo quy định tại Điều 65 và Điều 66 Điều lệ này;
3. Có bằng cấp trình độ chuyên môn trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;

4. Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng;
5. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian công tác;
6. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều này, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

**Điều 61. Nguyên tắc cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Các trường hợp nguyên tắc cách thành viên Ban kiểm soát:
  - a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
  - b) Vi phạm khoản 2 Điều 63 Điều lệ này;
  - c) Tác phong nhân cách không lành mạnh (mà thành viên Ban kiểm soát đó là người đi đến vụ kiện) chậm trễ;
  - d) Tác phong làm việc đi đến theo quy định của công tác chậm trễ;
  - e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - f) Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
  - g) Hết nhiệm kỳ mà không tái cử.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định (các) thành viên Ban kiểm soát bị nguyên tắc cách theo quy định tại mục a, b, c, d và khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về tình hình Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thể hiện các thủ tục bãi nhiệm chức danh bị khai trừ theo các quy định của pháp luật.

3. Trường hợp ban và thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng sau khi bị xác định nguyên tắc cách vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc các quy định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng, hoặc các quy định khác ý làm sai lệch của mình trong thời gian công tác.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị xem xét, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Có đơn xin thôi việc gửi Ban kiểm soát Ngân hàng (trong đó nêu rõ lý do xin thôi việc);
- c) Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 65 và Điều 66 Điều lệ này;
- d) Không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 (sáu) tháng liên tiếp, trừ trường hợp bất khả kháng.
  - 1) Không bổ nhiệm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này;

e) Khi c quan có th m quy n b u, b ãnh m xét th y c n thi t;

g) Các tr ãng h p khác theo quy ãnh c a i u l ã này và pháp lu t.

5. Tr ãng ban và thành viên Ban ki m soát c a Ngân hàng sau khi b ãm n ãnh m, b ãnh m v n ph i ch u trách ãnh m cá ãnh ã i v i các quy t ãnh trái v i quy ãnh c a pháp lu t và i u l ã này, ho c các quy t ãnh c ý làm sai c a mình trong th i gian ãng ãnh m.

6. Ch c danh ã c Th ãng c Ngân hàng Nhà ã c chu n y ãng ãnh ã h t hi u l c khi b ãm n ãnh m, b ãnh m theo quy t ãnh c a c quan có th m quy n c a Ngân hàng.

7. Trong th i h n 10 (m i) ngày làm vi c, k t ãng ngày thông qua quy t ãnh m ã ãnh m, b ãnh m i v i (các) thành viên Ban ki m soát theo quy ãnh t i kho n 4 i u này, H i ãng qu n tr ph i có v n b n thông báo kèm tài li u ch ãng minh c th g i Ngân hàng Nhà ã c và ph i ch u trách ãnh m v ã tính chính xác, trung th c c a báo cáo ã này tr c pháp lu t.

### **i u 62. Cu c h p c a Ban ki m soát**

1. Cu c h p Ban ki m soát u tiên ph i c t ch c trong vòng 07 (b y) ngày sau b u c Ban ki m soát ó. Cu c h p ã này do thành viên có s ph i u b u cao ãnh t tri u t p. Tr ãng h p có ãnh u h n m t thành viên có s ph i u b u cao ãnh t và ãng ãnh nhau thì các thành viên ã b u theo nguyên t c a s m t ãng i trong s h ã tri u t p h p Ban ki m soát.

2. Ban ki m soát h p ãnh k và b t th ãng. Các cu c h p ãnh k c a Ban ki m soát t ch c ít ãnh t m i quý m t l ã do Tr ãng Ban ki m soát ho c ãng i t m th i gi ch c Tr ãng Ban ki m soát tri u t p.

3. Cu c h p b t th ãng c a Ban ki m soát c ti ãnh ãnh theo ãnh c a:

a) Ch t ch H i ãng qu n tr ;

b) Hai thành viên H i ãng qu n tr ;

c) Tr ãng Ban ki m soát;

d) ã s thành viên Ban ki m soát;

) T ãng giám c.

4. Trong th i h n 15 (m i l m) ngày, k t ãng ãnh ã c v n b n ãnh h p Ban ki m soát b t th ãng c a m t trong các i t ãng ãnh t i i m a, b, d và c a kho n 3 i u này, Tr ãng Ban ki m soát ph i tri u t p và ti ãnh ãnh cu c h p Ban ki m soát b t th ãng. Tr ãng h p, sau hai l ã ãnh k t i p mà Tr ãng ban ki m soát ãnh ãnh tri u t p cu c h p Ban ki m soát, H i ãng qu n tr và các thành viên Ban ki m soát ph i có ãng v n b n báo cáo Chi ãnh ãnh Ngân hàng Nhà ã c t ãnh, thành ph ã tr c thu c Trung ãng ãnh ã Ngân hàng t tr s chính và ti ãnh ãnh h p Ban ki m soát x lý công vi c, ãng th i quy t ãnh vi c m ãnh ãnh m, b ãnh ãnh m ch c danh Tr ãng Ban ki m soát, b u m t thành viên Ban ki m soát m b o các i u ki ãnh gi ch c danh Tr ãng Ban ki m soát,

theo đúng quy định hiện hành, hoặc quy định khác của pháp luật có hiệu lực hiện hành, hoặc quy định của pháp luật khác có hiệu lực hiện hành.

5. Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ tiến hành bằng hình thức trực tuyến qua Ngân hàng.

6. Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải gửi cho các thành viên Ban kiểm soát tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát sẽ làm bằng văn bản gửi Vi t, trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề cần bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và các phụ lục quy định cho những thành viên Ban kiểm soát. Những thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự phải gửi phụ lục quy định cho Ban kiểm soát trước khi họp.

### Mục 6

## **NH NG TR NG H P KHÔNG C M NHI M CH C V VÀ NH NG TR NG H P KHÔNG CÙNG M NHI M CH C V**

### **Điều 63. Những thành viên không có nhiệm vụ**

1. Những người sau đây không có là Kế toán trưởng, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con của Ngân hàng:

a) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án;

c) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sự tự do mà chưa xóa án tích; người đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng trở lại;

d) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng; người quản lý tài sản phòng trở lại trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 50% (năm mươi phần trăm) vốn đầu tư lên, trừ những người có các làm đi theo quy định quản lý phân bổ vốn góp nhàn của Ngân hàng;

đ) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người có các làm đi theo quy định quản lý phân bổ vốn góp nhàn của Ngân hàng;

e) Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và vợ, chồng của những người này không có là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật này.

2. Những người sau đây không có là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng:

- a) Thu c i t ng quy nh t i kho n l i u này;
- b) Ng i thu c i t ng không c tham gia qu n lý, i u hành theo quy nh c a pháp lu t v cán b , công ch c và pháp lu t v phòng, ch ng tham nh ng;
- c) Ng i ã t ng là ch doanh nghi p t nhân, thành viên h p danh c a công ty h p danh, T ng giám c (Giám c), Ch t ch và các thành viên H i ng qu n tr , H i ng thành viên, Ban ki m soát c a doanh nghi p, Ch nhi m và các thành viên Ban qu n tr h p tác xã t i th i i m doanh nghi p, h p tác xã b tuyên b phá s n, tr tr ng h p doanh nghi p, h p tác xã b tuyên b phá s n vì lý do b t kh kháng;
- d) Ng i i di n theo pháp lu t c a doanh nghi p t i th i i m doanh nghi p b ình ch ho t ng, b bu c gi i th do vi ph m pháp lu t nghiêm tr ng, tr tr ng h p là i di n theo ngh c a c quan nhà n c có th m quy n nh m ch n ch nh, c ng c doanh nghi p ó;
- ) Ng i ã t ng b ình ch ch c danh Ch t ch H i ng qu n tr , thành viên H i ng qu n tr , Ch t ch H i ng thành viên, thành viên H i ng thành viên, Tr ng Ban ki m soát, thành viên Ban ki m soát, T ng giám c c a t ch c tín d ng theo quy nh c a Lu t Các t ch c tín d ng và các v n b n h ng d n thi hành ho c b c quan qu n lý nhà n c, c quan pháp lu t xác nh ng i ó có sai ph m đ n n vì c t ch c tín d ng b thu h i Gi y phép thành l p và ho t ng;
- e) Ng i có liên quan c a thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c không c là thành viên Ban ki m soát c a Ngân hàng;
- g) Ng i có liên quan c a Ch t ch H i ng qu n tr không c là T ng giám c c a Ngân hàng.

#### **i u 64. Nh ng tr ng h p không cùng m nhi m ch c v**

1. Thành viên H i ng qu n tr c a Ngân hàng:
- a) Không c ng th i là thành viên Ban ki m soát c a Ngân hàng;
- b) Không c ng th i là ng i qu n lý c a t ch c tín d ng khác, tr tr ng h p t ch c ó là công ty con c a Ngân hàng;
- c) Ch t ch H i ng qu n tr c a Ngân hàng không c ng th i là ng i i u hành c a Ngân hàng và c a t ch c tín d ng khác.
2. Thành viên Ban ki m soát:
- a) Không c ng th i là thành viên H i ng qu n tr , ng i i u hành, nhân viên c a Ngân hàng ho c thành viên H i ng qu n tr , thành viên H i ng thành viên, ng i i u hành, nhân viên c a công ty con c a Ngân hàng ho c nhân viên c a doanh nghi p mà thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c c a Ngân hàng là thành viên H i ng qu n tr , ng i i u hành ho c là c ông l n c a doanh nghi p ó;
- b) Không c ng th i là thành viên H i ng qu n tr , thành viên H i ng thành viên, ng i i u hành c a doanh nghi p mà thành viên Ban ki m soát c a doanh nghi p ó ang là thành viên H i ng qu n tr , ng i i u hành t i Ngân hàng;

c) Trưởng Ban kiểm soát không công nhận là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý cá nhân khác.

3. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương:

a) Không công nhận là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát cá nhân khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng;

b) Không công nhận là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của doanh nghiệp khác.

## Mục 7

### NGHỊ ĐỊNH CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐI U HÀNH KHÁC

#### Điều 65. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Ngân hàng, bao gồm:

a) Tên, địa chỉ thực sự chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan trực tiếp cùng tên sử dụng vốn góp, chiếm hoặc ủy quyền, ủy thác cho người, tổ chức khác cùng tên quản lý từ 5% (năm phần trăm) vốn đi u của doanh nghiệp, tổ chức đó; tài sản và thị giá sử dụng vốn góp hoặc chiếm đó;

b) Tên, địa chỉ thực sự chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 điều này phải thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải kê khai báo với Ngân hàng trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này phải được thông báo cho Hội đồng công tác chấp hành hàng năm g n nh t hoc thông báo nh k hàng năm cho công của Ngân hàng và công niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện công việc đi u hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Ngân hàng ủy quyền gì i trình bày chức vụ, nội dung của công việc đó cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chức danh thực hiện khi sửa đổi thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không kê khai báo hoặc không chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Ngân hàng.

**Điều 66. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác**

1. Thực hiện các quy định và nhiệm vụ giao theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ này, quy định của Hội đồng của Ngân hàng.
2. Thực hiện các quy định và nhiệm vụ giao một cách trung thực, cẩn trọng, tận tâm vì lợi ích của Ngân hàng và các cổ đông.
3. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng; không sử dụng thông tin, bí quyết, chi phí kinh doanh của Ngân hàng, lợi nhuận và tài sản của Ngân hàng thu lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích cá nhân, cá nhân khác hoặc làm thiệt hại lợi ích của Ngân hàng và các cổ đông.
4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng mọi quy định nào có thể gây xung đột mà họ có các hoạt động kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chi tiêu sử dụng ngân sách khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.
5. Không cố gắng tranh thủ bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo uy tín cho bên thứ ba gây thiệt hại lợi ích của Ngân hàng.
6. Không cố tạo uy tín cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy nhút ít nhằm lợi dụng điều lệ điều lệ này vay vốn, sử dụng các dịch vụ khác của Ngân hàng với những uy tín của người khác, thu lợi ích hơn so với quy định chung của pháp luật và của Ngân hàng.
7. Không hối lộ, tham nhũng, thù lao, trộm cắp khi Ngân hàng biết.
8. Báo cáo mọi hoạt động của Ngân hàng cùng cấp các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát nội bộ Ngân hàng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.
9. Am hiểu các rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng.
10. Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

**Điều 67. Trách nhiệm về danh tiếng và bí mật**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực, vì sự cẩn trọng, minh bạch và nghiêm túc chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về danh tiếng của Ngân hàng do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Ngân hàng sẽ bị tổn hại cho danh tiếng, uy tín và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện tụng, khiếu nại, tranh chấp hoặc có thể sẽ bị kiện tụng hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là vụ kiện tụng do Ngân hàng thực hiện hay thực hiện quy định của Ngân hàng) nếu người đó thực hiện nhiệm vụ của Ngân hàng với cách là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các thành viên Ban điều hành, cán bộ nhân viên hoặc là cố vấn của Ngân hàng (hay công ty con của Ngân hàng) quy định.
3. Những chi phí về danh tiếng bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí thuế thu nhập cá nhân), chi phí theo phán quyết của các quan chức quy định, các khoản tiền phạt, các khoản

phí thanh toán phát sinh trong thanh toán coi là mức hợp lý khi ghi quy định này trong khuôn khổ pháp luật cho phép, vì vì ưu tiên là ngân sách hành chính trung tâm, công nhân, nhân viên và viên chức chuyên môn vì lợi ích họ không chấp hành lợi ích của Ngân hàng, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có sự phát hiện hay xác minh nào rằng ngân sách vì phạm nhân trách nhiệm của mình.

4. Ngân hàng có quyền mua bảo hiểm cho nhân viên để tránh nhân viên trách nhiệm bất thường nêu trên.

#### **Điều 68. Hợp đồng, giao dịch phi công khai ngân quỹ**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng với các tổ chức sau đây phải công khai ngân quỹ hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Công đồng, ngân sách định kỳ quy định các công suất 5% (năm phần trăm) tổng số phần trăm thông qua Ngân hàng trở lên và nhân viên có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;

c) Doanh nghiệp quy định tại mục a và mục b khoản 1 Điều 65 Điều này và nhân viên có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc.

2. Các hợp đồng, giao dịch với các tổ chức nêu tại khoản 1 Điều này có giá trị lớn hơn 20% (hai phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất phải công khai ngân quỹ chấp thuận. Trong trường hợp này, công đồng có liên quan không có quyền biểu quyết. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc ghi trình vụ nội dung chủ yếu của giao dịch cụ thể phải công khai ngân quỹ hoặc lý do kiến nghị vốn ngân sách. Hợp đồng hoặc giao dịch chấp thuận theo điều kiện quy định quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 35 Điều này.

3. Các hợp đồng, giao dịch với các tổ chức nêu tại khoản 1 Điều này có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất phải công khai ngân quỹ chấp thuận. Tổng giám đốc Ngân hàng giám sát các thành viên Hội đồng quản trị và nhiệm vụ tài chính, chi nhánh Ngân hàng dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

4. Trường hợp hợp đồng, giao dịch giao kết hoặc thực hiện mà chưa công khai ngân quỹ hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thì hợp đồng có hiệu lực và xử lý theo quy định của pháp luật. Công đồng, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có liên quan phải báo cáo phát sinh, hoàn trả cho Ngân hàng các khoản lợi ích thực tế vì thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.



## **M c 8 CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN**

### **i u 69. Công nhân viên và công oàn**

T ng giám c ph i l p k ho ch H i ng qu n tr thông qua các v n li ên quan n vì c tuy n đ ng, lao ng, bu c thôi vi c, l ng, b o hi m xã h i, phúc l i, khen th ng và k lu t i v i cán b qu n lý và ng i lao ng c ng nh nh ng m i quan h c a Ngân hàng v i các t ch c công oàn c công nh n theo các chu n m c, thông l và chính sách qu n lý t t nh t, nh ng thông l và chính sách quy nh t i i u l này, các quy ch c a Ngân hàng và quy nh pháp lu t hi n hành.

## **Ch ng IV M I QUAN H GI A NGÂN HÀNG VÀ CÁC N V THÀNH VIÊN**

### **M c 1 CÁC N V TR C THU C, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN K T C A NGÂN HÀNG**

#### **i u 70. Các n v tr c thu c, Công ty con, Công ty liên k t c a Ngân hàng**

1. Ngân hàng có các n v tr c thu c, các Công ty con, Công ty liên k t.
2. Ngân hàng có th thành l p các n v tr c thu c trong n c và n c ngoài h tr ho t ng c a Ngân hàng theo ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr và trong ph m vi pháp lu t cho phép.

### **M c 2 QUAN H GI A NGÂN HÀNG V I CÁC N V TR C THU C**

#### **i u 71. Quan h gi a Ngân hàng và các n v tr c thu c**

Các n v tr c thu c h ch toán ph thu c Ngân hàng, th c hi n ho t ng kinh doanh, h ch toán, t ch c, nhân s và các ho t ng khác theo ch phân c p, y quy n c a Ngân hàng và c c th hóa t i quy ch t ch c và ho t ng c a các n v này. Quy ch ho t ng do T ng giám c xây đ ng và trình H i ng qu n tr phê duy t. Ngân hàng ch u trách nhi m v các ngh a v tài chính phát sinh i v i các cam k t h p pháp c a các n v tr c thu c.

### **M c 3 QUAN H GI A NGÂN HÀNG VÀ CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**

#### **i u 72. Qu n lý ph n v n góp c a Ngân hàng trong các Công ty có liên quan**

1. Ngân hàng giao quy n cho ng i i di n theo y quy n c a Ngân hàng tr c t i p thay m t Ngân hàng qu n lý các kho n u t c a Ngân hàng t i các Công ty có liên quan (Công ty con, Công ty liên k t) trong ph m vi i u l c a các Công ty có liên quan này cho phép.

2. Ngân hàng quy định mức đầu tư vào các Công ty có liên quan thành lập mới, đầu tư mới và tái đầu tư vào các Công ty có liên quan đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng.

3. Quy định và nghĩa vụ của người đi đầu theo quy định của Ngân hàng tại các Công ty có liên quan được xác định theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành và tất cả những điều kiện đi kèm.

### **Điều 73. Chi phí, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan**

1. Khi Ngân hàng nắm quyền chi phí đầu tư vào Công ty có liên quan, quy định chi phí, hỗ trợ sẽ được quy định trong điều lệ và quy chế tài chính của Công ty có liên quan, có thể bao gồm các lĩnh vực sau:

a) Đầu tư quy định và phê duyệt đầu tư hoạt động;

b) Đầu tư quy định về phê duyệt dự án kinh doanh chi nhánh kinh doanh;

c) Đầu tư quy định về phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm;

d) Đầu tư quy định về phê duyệt các dự án kinh doanh của Công ty có liên quan cho việc đầu tư ra ngoài của Công ty có liên quan;

e) Nhận và thông qua các báo cáo quản lý và các báo cáo tài chính để kiểm toán hàng năm của Công ty có liên quan;

f) Tham gia vào hoạt động trong toàn bộ Ngân hàng, liên kết với các Công ty có liên quan khác hoặc với chính Ngân hàng để thực hiện các dự án có sự phối hợp của nhiều doanh nghiệp;

g) Thu lợi nhuận và chi phí hoàn trả và chi trả lợi nhuận đầu tư của Ngân hàng đầu tư vào các Công ty có liên quan;

h) Các lĩnh vực khác theo điều lệ của các Công ty có liên quan và quy định pháp luật;

2. Ngân hàng hỗ trợ cho các nhân viên thành viên bằng cách xác định và đưa ra những hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy các thế mạnh của các nhân viên thành viên và tránh sự cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa các nhân viên thành viên. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ những mặt tốt, ưu tiên các thành viên được xác định trên cơ sở ưu tiên những mặt tốt vì lợi ích tốt nhất và phù hợp với quy định pháp luật.

3. Ngân hàng sẽ không trực tiếp quy định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đầu tư vào các Công ty có liên quan. Quy định này không loại trừ quy định của người đi đầu theo quy định của Ngân hàng thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại các Công ty có liên quan.

### **Điều 74. Quy định và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên**

Ngoài các nguyên tắc quy định tại Điều 73 điều lệ này:

1. Ngân hàng quy định các cut ch c c a Công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Ngân hàng quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng và kỷ luật thành viên Hội đồng thành viên trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên cut ch c theo mô hình có Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty i v i c cut ch c quản trị theo mô hình Chủ tịch Công ty.

3. Ngân hàng phân công cho Hội đồng thành viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên ( i v i c cut ch c quản trị theo mô hình Hội đồng thành viên) hoặc Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên ( i v i c cut ch c quản trị theo mô hình Chủ tịch Công ty) quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng và kỷ luật i v i:

a) Giám đốc hoặc Tổng giám đốc sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Hội đồng quản trị Ngân hàng;

b) Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo nghị quyết của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

4. Ngân hàng thể hiện các quy định và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu theo quy định điều lệ này, điều lệ của Công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên và quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

#### **Điều 75. Quy định và nghĩa vụ của Ngân hàng i v i Công ty con là Công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần**

Ngoài các nguyên tắc quy định tại điều 73 điều lệ này:

1. Ngân hàng thể hiện quy định chi phí cá nhân, bên góp vốn chi phí thông qua người đi tìm kiếm của mình là thành viên trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Hội nghị cổ đông.

2. Các quy định và các nghĩa vụ khác theo quy định điều lệ này, điều lệ của các Công ty con tương ứng và quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Luật thuế và quy định khác có liên quan của pháp luật.

#### **Điều 76. Quan hệ giữa Ngân hàng với các Công ty liên kết**

1. Ngân hàng có quy định và nghĩa vụ cá nhân i v i các Công ty liên kết theo điều lệ của các Công ty liên kết đó và/hoặc hợp đồng góp vốn và theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải lập và gửi báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước báo cáo tình hình và giao dịch mua, bán và giao dịch khác giữa Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết.

## Chương V CÁC CHẾ TÀI CHÍNH

### Mục 1 HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ NỘI MẠM TÀI CHÍNH

#### **Điều 77. Hệ thống kế toán**

1. Hệ thống kế toán Ngân hàng sòng là Hệ thống kế toán theo quy định của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và pháp luật khác có liên quan.
2. Ngân hàng sòng Việt Nam làm nhiệm vụ tính toán dùng trong kế toán.
3. Các sổ sách kế toán của Ngân hàng công lập bằng tiếng Việt theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 78. Nội mạt tài chính**

Nội mạt tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 (một) tháng 01 (một) tháng chẵn hàng năm và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) cùng năm. Nội mạt tài chính ưu tiên tính ngày công cộng nghỉ công nhân ngày kỷ kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) cùng năm đó.

### Mục 2 KẾ MẠM TOÁN VÀ CÔNG ĐU

#### **Điều 79. Kế mạt toán**

1. Hội đồng quản trị quy định chế độ công ty kế mạt toán công lập theo phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có hiệu lực theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tiến hành các hoạt động kế mạt toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho nội mạt tài chính tiếp theo phù hợp với quy định hiện hành này và quy định có liên quan của pháp luật.

Trong tháng 30 (ba mươi) ngày, kết ngày quy định chế độ công ty kế mạt toán công lập, Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về chế độ kế mạt toán công lập của mình.

2. Mất bản sao của báo cáo kế mạt toán công lập kèm với bản báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.

3. Ngân hàng sòng chủ nợ và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kế mạt toán công lập sau khi kết thúc nội mạt tài chính.

4. Công ty kế mạt toán công lập kiểm tra, xác định báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng, lập báo cáo kế mạt toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc nội mạt tài chính. Các nhân viên của công ty kế mạt toán công lập thực hiện việc kiểm toán cho Ngân hàng phải có quan hệ nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nêu pháp luật có yêu cầu.

5. Kế mạt toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng sẽ được phép tham gia cuộc họp hội đồng và các quy định khác của thông

báo và các thông tin khác liên quan đến những công việc mà các công ty quy định và các phát biểu ý kiến từ những các văn bản có liên quan đến kế toán.

### **Điều 80. Con dấu**

Những công ty, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát sẽ đóng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Mục 3 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

### **Điều 81. Phân chia lợi nhuận sau thuế**

Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận gộp của Ngân hàng sẽ được trích theo quy định của những công ty, phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Điều 82. Trích lập quỹ**

1. Ngân hàng trích lập các quỹ và dự phòng theo đúng quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, Ngân hàng sẽ phân chia lợi nhuận sau thuế của mình như sau:

a) Trích lập vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5% (năm phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng. Mục đích của quỹ này không vượt vốn điều lệ của Ngân hàng theo quy định của pháp luật;

b) Trích lập vào quỹ dự trữ tài chính 10% (mười phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng và chi phí trích nộp khi bằng 25% (hai mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng, và các quỹ ưu đãi phát triển nghiệp vụ, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác theo quy định của những công ty;

c) Trích lập cho các công ty.

Tất cả trích lập các quỹ trên do những công ty quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Điều 83. Trích lập**

1. Các công ty chia theo quy định của những công ty trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng quản trị. Ngân hàng chi trả cho công ty sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Ngân hàng và bù đắp lỗ theo quy định của điều lệ này và pháp luật; ngay sau khi kết thúc tài khóa, Ngân hàng vẫn bố trí thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).

2. Các công ty trả cho các chủ nhân cổ phần theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần.

3. Các công ty trả cho các chủ nhân thông qua xác nhận của ngân hàng lợi nhuận gộp của Ngân hàng do những công ty quy định.

4. C t c có th chi tr b ng tí n m t, b ng c ph n c a Ngân hàng ho c b ng tài s n khác do H i ng qu n tr ngh và i h i ng c ông quy t nh. N u chi tr b ng tí n m t thì c th c hi n b ng ng Vi t Nam và có th c thanh toán b ng chuy n kho n theo yêu c u c a c ông.

C t c có th c thanh toán b ng chuy n kho n qua ngân hàng khi Ngân hàng ã có chi tí t v ngân hàng c a c ông có th chuy n tr c tí p c vào tài kho n ngân hàng c a c ông. Ngân hàng không ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t vi c chuy n kho n ó trong tr ng h p ã chuy n kho n theo úng các thông tin chi tí t v ngân hàng nh thông báo c a c ông. Trong tr ng h p c phi u c niêm y t t i S giao d ch ch ng khoán, vi c thanh toán c t c i v i các c ph n này có th c tí n hành thông qua công ty ch ng khoán ho c Trung tâm l u ký ch ng khoán.

5. H i ng qu n tr ph i l p danh sách c ông c nh n c t c, xác nh m c c t c c tr i v i t ng c ph n, th i h n và hình th c tr ch m nh t 30 (ba m i) ngày tr c m i l n tr c t c. Thông báo v tr c t c g i b ng ph ng th c b o m n c a ch ng ký t t c c ông ch m nh t 15 (m i l m) ngày tr c khi th c hi n tr c t c.

Thông báo ph i ghi rõ tên Ngân hàng; h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s gi y ch ng minh nhân dân, h chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh c a c ông là t ch c; s l ng c ph n t ng lo i c a c ông; m c c t c i v i t ng c ph n và t ng s c t c mà c ông ó c nh n, th i i m và ph ng th c tr c t c; h , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr và T ng giám c c a Ngân hàng.

6. Tr ng h p c ông chuy n nh ng c ph n c a mình trong th i gian gi a th i i m k t thúc l p danh sách c ông và th i i m tr c t c thì ng i chuy n nh ng là ng i nh n c t c t Ngân hàng.

7. H i ng qu n tr có th quy t nh thanh toán c t c gi a k n u xét th y vi c chi tr này phù h p v i kh n ng sinh l i c a Ngân hàng và phù h p v i quy nh c a pháp lu t.

8. Tr tr ng h p c phi u có các quy n i kèm ho c các i u kho n phát sinh c phi u có quy nh khác, m c c t c c a nh ng c phi u ch a c thanh toán h t c tr theo t l t ng ng v i các kho n tí n ã thanh toán cho vi c mua c phi u ó tính n th i i m chi tr c t c. Ngân hàng không chi tr c t c b sung khi các c phi u ó ch a c thanh toán h t.

9. Ngân hàng không tr lãi cho b t c m t kho n c t c hay kho n tí n nào khác mà c ông ch a nh n c khi n h n tr c t c.

## Chương VI SÁCH VÀ H S NGÂN HÀNG

### **Điều 84. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý**

1. Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính, thu và tình hình thanh toán và chi nhánh và chi nhánh.

Ngoài các báo cáo nêu trên, Ngân hàng lập các báo cáo hàng năm bao gồm: báo cáo tài chính hợp nhất; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm; báo cáo kết quả công tác quản lý, điều hành.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng phải lập một cách trung thực và khách quan, chính xác khi trình bày những nội dung công khai, thông qua. Tổng Giám đốc Ngân hàng tổ chức thực hiện việc lập các báo cáo nêu trên theo quy định này.

3. Ngân hàng sẽ lập báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng, hàng quý và nộp cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát việc lập báo cáo nêu trên theo quy định này; lập các báo cáo về tình hình kinh doanh của Ngân hàng, các báo cáo về tình hình tài chính của Ngân hàng và gửi Ban kiểm soát thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Hội đồng.

5. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có chữ ký của Ngân hàng chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Hội đồng.

Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm của kiểm toán, sau khi được Ban kiểm soát thẩm định và ký tên và đóng dấu của Ngân hàng và thông báo nội dung các công chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Hội đồng và công bố trên nhật báo của áp dụng và mặt báo kinh tế trung ương trong vòng ba tuần liên tiếp. Ngân hàng có website riêng, các báo cáo tài chính của kiểm toán, báo cáo quý và 06 (sáu) tháng của Ngân hàng phải công bố trên website đó.

Trong thời hạn 120 (một trăm hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

6. Các báo cáo tài chính hàng năm của Hội đồng công khai thông qua giám đốc quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

### **Điều 85. Quy định về kiểm tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng**

1. Công của Ngân hàng có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách công; xem xét, tra cứu và trích lục hồ sơ sao chép từ Ngân hàng, Sổ biên bản họp Hội đồng và các quy định của Hội đồng.

2. Ngoài quy định trên theo quy định tại khoản 1 điều này, công đồng có nhóm công quy định tại khoản 1 điều 26 điều này có quy định hồ sơ và sách Ngân hàng theo quy định tại điều này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có quyền kiểm tra sổ đăng ký công của Ngân hàng, danh sách công và sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của Ngân hàng phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại Ngân hàng và chịu trách nhiệm báo cáo các thông tin tài liệu cung cấp.

4. Các thành viên, cá nhân quan tâm được quyền kiểm tra hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của công kiểm toán, báo cáo 06 (sáu) tháng và hàng quý trong giới hạn vì công của Ngân hàng và phí trả cho việc sao chép.

### **Điều 86. Chế độ tài liệu của Ngân hàng**

1. Ngân hàng phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính của Ngân hàng:

- a) Điều lệ Ngân hàng; sổ sách, sổ đăng ký điều lệ Ngân hàng; quy chế quản lý nội bộ của Ngân hàng; Sổ đăng ký công;
- b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;
- c) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quy định của tài sản của Ngân hàng;
- d) Biên bản họp Hội đồng công, Hội đồng quản trị; các quy định của Ngân hàng;  
    ) Báo cáo báo cáo phát hành chứng khoán;
- e) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của thành viên kiểm toán của công;
- g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
- h) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức lưu giữ các tài liệu nêu tại khoản 1 điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Tổng giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo quản hồ sơ, tài liệu Ngân hàng theo quy định của điều này và pháp luật.

### **Điều 87. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

Ngân hàng phải công bố ra công chúng các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ sung khác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nộp cho cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của pháp luật liên quan.



## Chương VII TỔNG QUẢN LÝ, GIỚI THIỆU, PHÂN SỬ, THANH LÝ TÀI SẢN

### **Điều 88. Tổng quản lý**

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi hình thức pháp lý của Ngân hàng có thể chỉ định theo quy định của pháp luật.

### **Điều 89. Giới thiệu Ngân hàng**

1. Ngân hàng bắt giới thiệu trong những trường hợp sau:

a) Trường hợp xin giới thiệu nếu có khoản nợ thanh toán hết hạn và của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;

b) Khi hết thời hạn hoặc không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không của Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;

c) Bị thu hồi Giấy phép;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các quy định giới thiệu Ngân hàng do Hội đồng quản trị thông qua và phải công bố lên cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Chỉ định trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày có quy định giới thiệu Ngân hàng, Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên, trong đó một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định có chuyên môn về kế toán, kiểm toán và hai thành viên (hoặc các thành viên còn lại của Ban thanh lý) do Hội đồng quản trị chỉ định. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên trong số cán bộ, nhân viên của Ngân hàng hoặc thuê chuyên gia độc lập. Ban thanh lý chịu trách nhiệm các quy định của mình, quy trình và thủ tục thanh lý. Tất cả các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản của Ngân hàng ưu tiên thanh toán trước các khoản khác của Ngân hàng.

4. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và ngày của thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Ngân hàng trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Ngân hàng trước tòa án và các cơ quan có thẩm quyền khác.

5. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Tiền lương và chi phí bồi đắp theo quy định của pháp luật cho cán bộ nhân viên;

c) Thu và các chi phí có tính chất thu mà Ngân hàng phải trả cho Nhà nước Việt Nam;

d) Các khoản vay và nợ khác của Ngân hàng;

e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ thì mới phân chia lợi nhuận cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

6. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến ghi sổ Ngân hàng thủ tục ghi sổ theo quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 90. Phá sản Ngân hàng**

1. Sau khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản chỉ đạo kiểm soát các hoạt động văn bản chỉ đạo áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phòng ngừa thanh toán mà Ngân hàng vẫn lâm vào tình trạng phá sản, thì Ngân hàng có nghĩa vụ làm yêu cầu Tòa án khởi kiện quy định yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật phá sản.

2. Thủ tục phá sản và việc thanh lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp phá sản Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật phá sản.

### **Chương VIII**

## **GIỚI QUY ĐỊNH TRANH CHẤP, SÁI VÀ B SỬ DỤNG NGÂN HÀNG**

#### **Điều 91. Giới quy định tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Ngân hàng hay tới quy định của các công đồng phát sinh từ điều lệ này hay từ bộ quy định hoặc do pháp luật quy định, gồm:

a) Mọi công đồng hay các công đồng viên Ngân hàng;

b) Mọi công đồng hoặc các công đồng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người quản lý cao cấp của Ngân hàng.

Các bên liên quan sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ khởi kiện vì việc giải quyết tranh chấp và sự yêu cầu của bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, một bên nào có thể yêu cầu chuyên gia độc lập hành động với cách là trợ tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trong trường hợp không thể hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quy định của trung gian hòa giải không có các bên chấp nhận, một bên nào có thể đưa tranh chấp ra cơ quan tài phán hoặc tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên sẽ chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án hay trợ tài sẽ do các cơ quan này quy định bên nào phải chịu.

#### **Điều 92. B sử dụng và sai điều lệ**

1. Việc b sử dụng, sai điều lệ này phải được điều chỉnh công đồng xem xét quy định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Ngân hàng chưa có quy định trong bản luật này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong luật này thì những quy định của pháp luật có hiệu lực áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.

## **Chương IX I U KHO N THI HÀNH**

### **Điều 93. Điều khoản chung**

1. Ngôn ngữ chính thức sử dụng trong các văn bản pháp lệnh, nghị quyết, h p H i ng qu n tr , h p Ban ki m soát là tiếng Việt; ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản luật, quy chế, quy định, quy định của Ngân hàng cũng như trong biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt. Các công việc ngoài nước và chi phí phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.

2. Luật này có hiệu lực Ngân hàng nhất trí thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2011, có hiệu lực theo Nghị quyết của Hội đồng Ngân hàng ngày 12 tháng 5 năm 2012 và cùng chấp thu hành luật toàn văn của luật này. Luật này thay thế luật Ngân hàng thương mại cổ phần Xu t Nh p kh u Vi t Nam do Hội đồng thông qua tại cuộc họp Hội đồng thành viên ngày 21 tháng 3 năm 2008 và có hiệu lực Ngân hàng Nhà nước chuyển theo Quyết định số 1965/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 8 năm 2009.

3. Luật này gồm 9 (chín) chương, 93 (chín mươi ba) điều, được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a) 01 (một) bản nộp tại Ủy ban chấp hành Ngân hàng Nhà nước;
- b) 02 (hai) bản nộp Ngân hàng Nhà nước;
- c) 05 (năm) bản gửi các cơ quan chính quyền theo quy định pháp luật;
- d) 02 (hai) bản lưu trữ tại Ngân hàng.

4. Luật này là duy nhất và chính thức của Ngân hàng.

5. Các bản sao hoặc trích lục của Luật Ngân hàng phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc từ 1/2 (một phần hai) thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

(chữ ký)

**Lê Hùng Dũng**